

# PHONG TRÀO DUY TÂN

DÂN CHỦ - CÔNG LÝ - THỊNH VƯỢNG

TUẦN SAN 44-2024

# PHONG TRÀO DUY TÂN

TUẦN SAN 44-2024

©2024 Phong trào Duy Tân

[www.phongtraoduytan.com](http://www.phongtraoduytan.com)

Mọi hỗ trợ và liên lạc xin theo địa chỉ email bên dưới:

[phongtraoduytanvietnam@gmail.com](mailto:phongtraoduytanvietnam@gmail.com)

Theo dõi trên mạng xã hội:

Facebook: [www.facebook.com/phongtraoduytan](http://www.facebook.com/phongtraoduytan)

X: [www.x.com/@phongtraoduytan](http://www.x.com/@phongtraoduytan)

Youtube: [www.youtube.com/@phongtraoduytan](http://www.youtube.com/@phongtraoduytan)

Chính sách bần-cùng-hóa-láng-giêng	6
Tại sao Tập lại thay đổi suy nghĩ về kích thích tài khóa ở Trung Quốc?	12
Các ưu tiên kinh tế của Kamala Harris	24
Trump sẽ nhắm vào những người nhập cư đầu tiên	29
Quan điểm về chính sách ngoại giao của Donald Trump	35
Quan điểm của Donald Trump trên 10 vấn đề quan trọng, từ thuế đến Israel	42
Quan điểm của Kamala Harris về 10 vấn đề quan trọng, từ di cư đến súng	50
Harris là Ứng viên của Tự do	60
Cuộc bầu cử Mỹ và khủng hoảng của người da trắng	66
Tại sao nhiều công nhân hiện nay lại bỏ phiếu cho đảng Cộng hòa	71
Trump hay Harris đắc cử sẽ tốt hơn cho Trung Quốc?	77
Tổng thống Mỹ và Chiến tranh Lạnh 2.0	87



# CHÍNH SÁCH BÀN-CÙNG- HÓA-LÁNG-GIỀNG

DANI RODRIK



*Như là một mục tiêu chính sách kinh tế toàn cầu, đại-toàn-cầu-hóa gặp khó khăn phần lớn bởi vì những người thúc đẩy nó kiểm soát thái quá các hành động có ảnh hưởng liên biên giới. Một hướng tiếp cận tốt hơn nhiều là tập trung vào các chính sách hướng tới việc kiếm lợi cho quốc gia bằng cách chủ ý gây hại cho những nước khác.*



CAMBRIDGE – Trong tình hình các quốc gia tham gia thương mại càng ngày càng có xu hướng đơn phương hành động để đạt tới mục tiêu xã hội, kinh tế, môi trường của chính họ, nền kinh tế thế giới khẩn thiết cần một khuôn thước chuẩn mực rõ ràng hơn để thiết lập một trật tự ứng xử. Một xuất phát điểm khả dĩ để các nước cùng thống nhất, về nguyên tắc, là không sử dụng các chính sách bần-cùng-hóa-láng-giêng (beggar-thy-neighbor policies).

Điều này nghe có vẻ hợp lý, nhưng nó có khả thi không? Chẳng phải các nước vốn đã quá quen với những chính sách như vậy để có thể bị thuyết phục ngược lại?

Thực tế thì không. Việc cho rằng các nước không thể thay đổi bất nguồn từ sự lẫn lộn khái niệm giữa các chính sách tạo ảnh hưởng tiêu cực ra bên ngoài lãnh thổ và các chính sách thực sự bần-cùng-hóa các nước khác. Thực ra thì khá là vô vọng, và phản tác dụng, nếu chúng ta cố gắng giảm thiểu tất cả các chính sách thuộc loại thứ nhất. Rất may mắn, các động thái bần-cùng-hóa-láng-giêng chỉ là một nhóm nhỏ trong số chúng.

Đại-toàn-cầu-hóa diễn ra một cách ịch phần lớn vì tham vọng của nó trong việc kiểm soát quá mức các chính sách có ảnh hưởng xuyên biên giới. Bằng cách chỉ tập trung vào những chính sách thực sự hướng tới việc bần-cùng-hóa-láng-giêng, chúng ta có thể nhắm tới cái gốc của vấn đề và thúc đẩy các thương thảo quốc tế.

Để hiểu rõ hơn tầm quan trọng của sự khác biệt này, hãy thử xem xét một bài toán cổ điển trong đó chính sách của một quốc gia tạo ra thiệt hại cho nước khác, cụ thể là bằng cách làm yếu đi tỉ lệ trao đổi (terms of trade) — vốn được đo bằng giá xuất khẩu trên giá nhập khẩu — của quốc gia kia. Kịch

bản thương mại khốn khổ này ban đầu được công bố bởi Jagdish Bhagwati, và sau đó được dùng bởi Paul Samuelson cho lập luận rằng sự phát triển của Trung Quốc có thể gây hại cho Hoa Kỳ.

Hãy thử xem xét hai chính sách cụ thể. Đầu tiên khi chính phủ Trung Quốc tài trợ cho các dự án nghiên cứu và phát triển nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của quốc gia mình trong các ngành công nghệ cao và để giảm giá các sản phẩm đó trên thị trường toàn cầu, Hoa Kỳ và các nền kinh tế phát triển khác bị thiệt hại vì đó là các ngành mà ở đó họ có các lợi thế cạnh tranh. Tuy vậy, dù xem xét các thiệt hại đó, chúng ta cũng không thấy đó là hợp lý khi yêu cầu Trung Quốc cắt bỏ các tài trợ đó; đó là bởi vì trực giác của chúng ta cho rằng việc hỗ trợ phát triển nghiên cứu là một cách hợp lý để thúc đẩy kinh tế, cho dù việc đó sẽ dẫn tới thiệt hại cho các nước khác.

Chính sách thứ hai là chính sách cấm bán các khoáng sản đất hiếm và các khoáng sản quan trọng khác mà Trung Quốc là quốc gia xuất khẩu lớn nhất. Trung Quốc có lợi từ việc tăng giá trên thị trường quốc tế và khiến các nhà xuất khẩu của mình cạnh tranh tốt hơn, vì nguyên liệu đầu vào rẻ. Nhưng đây rõ ràng là một ví dụ về chính sách bán-cùng-hóa-láng-giêng. Lợi ích mà Trung Quốc có được là kết quả của việc thi hành quyền độc quyền trên toàn cầu và điều này tạo ra thiệt hại cho các nhà sản xuất ngoại quốc.

Một chính sách được gọi là bán-cùng-hóa-láng-giêng khi nó tạo ra lợi ích cho nền kinh tế nội địa bằng cách gây hại cho các nước khác. Joan Robinson đã đặt tên cho khái niệm này vào thập kỷ 30 của thế kỷ trước để mô tả các chính sách như cạnh tranh giảm giá, mà ở đó, trong tình trạng thất nghiệp



chung, nó kéo nguồn việc làm từ các nước khác về thị trường nội địa. Các chính sách bền-cùng-hóa-láng-giêng thường tạo ra kết quả tổng âm cho thế giới nói chung.

Việc phân biệt các chính sách bền-cùng-hóa-láng-giêng cũng khá khó thực thi vì trong thực tế ít có quốc gia nào chịu công nhận. Song việc làm rõ các loại hình chính sách thực sự đáng phản đối và theo đó thu hẹp các mâu thuẫn, sẽ dễ dẫn tới các kết quả kinh tế tốt hơn. Điều đó cũng sẽ tạo ra nền chính trị tốt hơn, vì các chính phủ sẽ có động lực để tham gia thương thảo một cách hiệu quả hơn về việc họ đang làm gì, tại sao họ làm như vậy, và các hậu quả tiềm năng của chúng.

Áp dụng cách nhìn này vào thực tế, chúng ta có thể nhận ra là phần lớn các chính sách công nghiệp của Mỹ và Trung Quốc hiện nay không thuộc loại hình bền-cùng-hóa-láng-giêng. Ngược lại, khá nhiều trong số chúng có thể được xem là làm-giàu-cho-láng-giêng.

Ví dụ rõ ràng nhất là tập hợp các chính sách công nghiệp xanh mà Trung Quốc đã thực hiện trong vài thập kỷ gần đây để làm giảm giá thành của điện gió và điện mặt trời, pin và xe điện. Những chính sách này có lợi ích kép cho kinh tế thế giới. Chúng kéo theo sự phát triển ở các quốc gia khác, giảm giá đầu vào cho các nhà sản xuất trên thế giới và làm giảm giá thành cho người tiêu dùng. Chúng cũng đẩy nhanh quá trình chuyển dịch từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo, phần nào bù đắp được cho sự vắng bóng của tín chỉ carbon.

Khi chính sách công nghiệp đánh trúng vào các yếu tố ngoại cảnh và điểm kẹt của thị trường – như trong trường hợp của các tài trợ xanh – chúng không phải là những thứ mà chúng ta cần lo lắng. Hơn nữa, khi chúng ta có thể đặt ra các câu

hỏi hợp lý về các trường hợp mà ở đó các điều kiện này không được thỏa mãn, thì chúng ta sẽ thấy một sự thật là những thiệt hại do các chính sách yếu kém gây ra sẽ hứng chịu chủ yếu bởi thị trường nội địa. Chính dân nội địa sẽ phải chịu thuế và giá cả cao hơn. Các chính sách công nghiệp tệ thường sẽ ít bản-cùng-hóa-láng-giêng hơn là tự-bản-cùng-hóa-bản-thân-mình.

Tất nhiên, các nước khác cũng sẽ bị thiệt phần nào. Nhưng nó không có nghĩa là các nước đó nên có ý kiến. Việc mong đợi các chính phủ nhạy cảm hơn đối với các lập luận của các quốc gia khác về ảnh hưởng của các chính sách là điều không thực tế mà cũng không hợp lý. Lẽ dĩ nhiên, các đối tác thương mại luôn có quyền thiết lập các thiết chế tự vệ, dù chính sách mà họ đang đối phó không có tính bản-cùng-hóa-láng-giêng.

Ví dụ, nếu một chính phủ quan ngại về vấn đề an ninh quốc gia hay các hậu quả trong thị trường việc làm, họ nên có quyền đặt ra các hạn chế về xuất khẩu, hoặc tăng thuế nhập khẩu để đối phó với những điều này. Tối ưu hơn thì các đối sách đó nên được tinh chỉnh và nhắm tới các mục tiêu nội địa cụ thể, thay vì được thiết kế để trừng phạt các nước đang không liên quan tới các chính sách bản-cùng-hóa-láng-giêng.

Để lọc ra một số ít các hành vi bản-cùng-hóa-láng-giêng từ một lượng lớn các chính sách có ảnh hưởng quốc tế là bước đầu quan trọng giúp làm dịu các căng thẳng thương mại. Việc đó cũng giúp các thương thảo quốc tế có thể tập trung hơn vào các vấn đề cốt lõi, giúp các chính phủ có thể theo đuổi các chính sách nội địa hợp lý hơn. Trên con đường hướng tới một nước tự cường, cần phải hiểu biết rõ cả kinh tế và chính trị.

Dani Rodrik, Giáo sư Kinh tế Chính trị Quốc tế tại Trường Kennedy Harvard, là Chủ tịch Hiệp hội Kinh tế Quốc tế và là tác giả của cuốn sách “Straight Talk on Trade: Ideas for a Sane World Economy” (Nhà xuất bản Đại học Princeton, 2017).

Nguồn: Dani Rodrik, “The Beggar-Thy-Neighbor Test”, *Project Syndicate*, 10/10/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

# TẠI SAO TẬP LẠI THAY ĐỔI SUY NGHĨ VỀ KÍCH THÍCH TÀI KHÓA Ở TRUNG QUỐC?

JOE LEAHY

EDWARD WHITE

CHENG LENG



*Sau khi phản đối lời kêu gọi can thiệp, Bắc Kinh đã đột ngột thay đổi quyết định. Nhưng liệu gói kích thích này có đủ để đưa nền kinh tế trở lại đúng hướng hay không?*



Trong khi hầu hết mọi người ở Trung Quốc dành cả tuần nghỉ lễ quốc khánh trong tháng 10 để tận hưởng thời tiết mát mẻ của mùa thu, thì các nhà môi giới ở Thượng Hải lại phải bận rộn trong văn phòng để tiến hành một cuộc kiểm tra sức chịu đựng trên toàn ngành đối với hệ thống giao dịch của họ.

Sàn giao dịch chứng khoán Thượng Hải đang muốn tránh lặp lại sự kiện xảy ra hồi cuối tháng 9, khi thông báo đột ngột của Bắc Kinh về gói kích thích tiền tệ lớn nhất kể từ đại dịch đã khiến 220 triệu nhà đầu tư nhỏ lẻ ở Trung Quốc đổ xô quay trở lại thị trường chứng khoán, làm hệ thống giao dịch của thị trường bị sập.

“Đây là lần đầu tiên trong hơn mười năm làm nghề, tôi được chứng kiến một cuộc kiểm tra trên toàn ngành,” một nhân viên tại một công ty môi giới cỡ trung ở Thượng Hải cho biết, người này yêu cầu giấu tên vì ông không được phép nói chuyện với giới truyền thông. Ông nói rằng sự cố hệ thống là do “quá tải lệnh” giống như trong một cuộc tấn công của tin tặc.

Vận mệnh thay đổi đột ngột của thị trường Trung Quốc, vốn đã suy giảm năm thứ ba liên tiếp vào năm 2023, diễn ra sau quyết định đầy bất ngờ của chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và các nhà hoạch định chính sách của ông về việc cung cấp biện pháp kích thích cho nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Suốt nhiều năm, Tập hầu như luôn phản đối các lời kêu gọi về một kế hoạch tài khóa lớn để thúc đẩy một số bộ phận của nền kinh tế đang suy yếu, đặc biệt là các hộ gia đình và chính quyền địa phương mắc nợ, những người đã bị giảm tài sản do sự suy thoái kéo dài ba năm của thị trường bất động sản.

Theo một số ước tính, lĩnh vực này chiếm khoảng 30% nền kinh tế.

Đứng trước tình trạng giá bất động sản không ổn định và nhiều chính quyền địa phương không thể thanh toán hóa đơn của mình, Bắc Kinh đang có nguy cơ không đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP chính thức trong năm nay là 5%. Hôm thứ sáu 18/10, Bắc Kinh đã báo cáo mức tăng trưởng GDP là 4,6% trong quý ba – mức tăng trưởng thấp nhất trong 18 tháng.

Ngân hàng trung ương và các cơ quan quản lý tài chính của Trung Quốc đã khởi động đợt kích thích kinh tế bằng cách cắt giảm lãi suất và cung cấp các hỗ trợ chưa từng có tiền lệ cho thị trường chứng khoán, cũng như hỗ trợ cho chủ nhà. Hai tuần sau, Bộ Tài chính công bố kế hoạch giải cứu chính quyền địa phương của Trung Quốc, tái cấp vốn cho các ngân hàng lớn và hỗ trợ mua hàng triệu căn hộ chưa bán được.

Bắc Kinh vẫn chưa công bố quy mô của gói kích thích tài khóa, nhưng đã hứa rằng một phần của gói này sẽ là khoản chi lớn nhất trong “những năm gần đây.” Câu hỏi đang đặt ra cho các nhà đầu tư là liệu những biện pháp này, mà Bắc Kinh gọi là “cú đấm kết hợp,” có đủ mạnh hay không.

Xét đến quy mô của những thách thức cơ cấu cơ bản của Trung Quốc – từ nợ chính phủ cao, suy giảm dân số, và thất nghiệp ở thanh niên, cho đến căng thẳng gia tăng với các đối tác thương mại – các nhà kinh tế cho rằng Bắc Kinh phải đối mặt với một thách thức lớn.

Rủi ro đối với Tập và Trung Quốc có lẽ đang ở mức cao nhất. Thất bại có thể đẩy nước này vào vòng xoáy giảm phát tương tự như Nhật Bản sau khi bong bóng bất động sản vỡ vào

những năm 1990, vốn cần đến hàng thập kỷ mới có thể phục hồi được.

Điều này không chỉ gây nguy hiểm cho mục tiêu chiến lược của Tập là tăng gấp đôi GDP bình quân đầu người vào năm 2035 và, theo nghĩa rộng hơn, là vượt qua đối thủ địa chính trị Mỹ để trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới. Nó cũng có thể dẫn đến sự bất mãn trong một bộ phận dân chúng, những người đã quen với mức sống được cải thiện liên tục trong những thập kỷ gần đây.

Nhiều người tin rằng Tập sẽ cố gắng đi theo con đường trung dung. Ông không muốn quay lại với chiến lược cũ của Trung Quốc là đầu tư dựa vào nợ vào các lĩnh vực công nghệ thấp để thúc đẩy tăng trưởng tổng thể. Thay vào đó, các nhà phân tích tin rằng ông muốn Trung Quốc tập trung vào những lĩnh vực mà ông gọi là “lực lượng sản xuất mới” như năng lượng xanh và chất bán dẫn tiên tiến.

Andy Rothman, chiến lược gia đầu tư tại Quỹ Matthews Asia, cho biết: “Chúng ta đang chứng kiến những thay đổi cơ bản trong cách Tập nhìn nhận tình hình kinh tế cũng như cách tiếp cận của ông trong việc giải quyết vấn đề.”

“Giờ đây, Tập đã nhận ra rằng nền kinh tế Trung Quốc đang đi sai hướng và cần phải có một sự điều chỉnh thực dụng cấp bách.”

Lý do tại sao Tập đột nhiên thay đổi quyết định về việc triển khai một gói kích thích kinh tế lớn vẫn là điều bí ẩn đối với các nhà đầu tư.

Dù Trung Quốc đã thực hiện các bước để thúc đẩy nền kinh tế kể từ năm ngoái, nhưng về mặt công khai, Tập vẫn không

tỏ ra quá lo ngại về tăng trưởng ngay cả trong những tuần trước khi có thông báo quan trọng của đội ngũ hoạch định chính sách kinh tế của ông.

Vào tháng 9, phương tiện truyền thông nhà nước cho đăng tải hình ảnh Tập trông rất vui vẻ trong chuyến đi đến tỉnh Cam Túc lịch sử ở phía tây, nơi ông bày tỏ lòng tôn kính với vị hoàng đế đầu tiên trong truyền thuyết của Trung Quốc tại Đền Phục Hy và gặp gỡ nông dân trồng táo và quân nhân.

Tập thậm chí còn thoải mái nhắc đến các mục tiêu tăng trưởng của chính phủ, bất chấp việc một loạt các dữ liệu công bố vào tháng 8 cho thấy sự suy thoái sâu rộng hơn trong quý ba. Tại một hội thảo ở Cam Túc, ông phát biểu rằng các cán bộ, hoặc các quan chức, chỉ cần “làm tốt công tác kinh tế vào cuối quý ba và quý tư” – một giọng điệu nhẹ nhàng hơn so với các tuyên bố trước đó.

Tuy nhiên, các nhà phân tích tin rằng đằng sau những cánh cửa đóng kín, các quan chức đang ngày càng lo ngại về nền kinh tế chỉ ít là kể từ tháng 7, khi đảng tổ chức hội nghị trung ương ba, kỳ họp vạch ra lộ trình kinh tế của Bắc Kinh.

Về mặt công khai, cuộc họp được xem là sự củng cố chiến lược của Tập về tự lực cánh sinh và đầu tư nhiều hơn vào khoa học cũng như các lĩnh vực khác trong cuộc chiến giành vị thế thống trị về công nghệ với Mỹ.

Hội nghị trung ương ba đã liệt kê các cải cách xã hội quan trọng, chẳng hạn như nâng tuổi nghỉ hưu và nói lỏng chế độ hộ khẩu của Trung Quốc, hạn chế quyền tiếp cận các dịch vụ cho người lao động nhập cư. Nhưng nó phần lớn đã bỏ qua những gì các nhà kinh tế xem là sự cần thiết phải kích cầu



trong nước, đặc biệt là tiêu dùng hộ gia đình, và thúc đẩy nền kinh tế.

Theo số liệu chính thức, Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng đầu tư vào sản xuất, dù tỉ trọng của nước này trong tổng sản lượng thế giới đã là hơn 30% – cao hơn chín quốc gia đứng đầu tiếp theo cộng lại. Trong khi đó, chi tiêu tiêu dùng của nước này so với GDP vẫn thấp hơn nhiều so với mức trung bình toàn cầu. Các nhà kinh tế chỉ ra rằng điều này khiến Trung Quốc phụ thuộc quá mức vào thị trường nước ngoài để hấp thụ sản lượng hàng hóa đang tăng của mình, từ đó gây ra căng thẳng thương mại.

Scott Kennedy, chủ tịch hội đồng nghiên cứu về kinh doanh và kinh tế Trung Quốc tại Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế, viết trong một ghi chú được công bố sau cuộc họp rằng: hội nghị trung ương ba ưu tiên “đầu tư và sản xuất như là động lực thúc đẩy tăng trưởng và ít quan tâm hơn đến tiêu dùng và hộ gia đình.”

Các nhà phân tích cho biết các nhà đầu tư đã không mấy ấn tượng với thay đổi này. Sau khi tăng nhẹ trước hội nghị trung ương ba, chỉ số CSI 300 của Trung Quốc tiếp tục xu hướng giảm, mất hơn 10% giá trị trước đợt tăng giá hiện tại.

“Việc hội nghị trung ương ba tập trung vào các thay đổi cơ cấu dài hạn... được hiểu là một tín hiệu cho thấy Bắc Kinh vẫn thờ ơ với tăng trưởng kinh tế ngắn hạn,” theo một bài báo của các nhà phân tích độc lập thuộc Viện nghiên cứu Hồ Đổng.

Nhưng các nhà phân tích tin rằng Tập và các nhà lãnh đạo đảng thực sự lo lắng về việc không thể đạt được các mục tiêu tăng trưởng của họ. Điều này lên đến đỉnh điểm vào tháng 9

khi Tập xuất hiện ở Cam Túc, nơi ông chứng kiến tỷ lệ thất nghiệp cao và các căng thẳng xã hội khác bắt nguồn từ sự sụt giảm tăng trưởng và nợ chính quyền địa phương gia tăng, một người quen thuộc với giới lãnh đạo cấp cao cho biết.

Dữ liệu kinh tế cũng trở nên đáng báo động hơn. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên đã nhanh chóng tăng vọt từ 13,2% vào tháng 6 lên 18,8% vào tháng 8. Sự sụp đổ của thị trường bất động sản đã khiến người tiêu dùng không còn muốn chi cho những mặt hàng đắt tiền, và nhiều người trong số họ đã trả hết nợ thế chấp và chuyển sang tích lũy tiền tiết kiệm.

Lại có thêm tin xấu vào tháng 9, khi các nhà sản xuất Trung Quốc đối mặt với giảm phát trong năm thứ hai liên tiếp, một xu hướng gây áp lực lớn lên doanh thu của công ty. Ngay cả xuất khẩu – động lực của nền kinh tế Trung Quốc – cũng bắt ngờ chậm lại theo giá đô la trong cùng tháng.

Những dấu hiệu của căng thẳng xã hội âm ỉ cũng đang gây thêm áp lực lên Tập. Theo các báo cáo trên phương tiện truyền thông nhà nước, một cán bộ sở tài chính tỉnh Hồ Nam đã bị sát hại tại nhà riêng. Cũng có những báo cáo khác về tình trạng bạo lực nhắm vào các cán bộ, bao gồm vụ một người được cho là đã bị đâm bởi tài xế mà ông vừa sa thải.

Chính quyền địa phương nói riêng đang ngày càng chật vật trong việc thanh toán hóa đơn giữa bối cảnh khủng hoảng bất động sản, khiến họ không thể bán các mảnh đất họ muốn. Để bù đắp cho nguồn thu lớn nhất đã mất, họ đã bắt đầu phạt tiền và đánh thuế các doanh nhân.

Ryan Manuel, giám đốc điều hành của Bilby, một công ty tư vấn sử dụng AI để phân tích các tài liệu của chính phủ Trung

Quốc, cho biết Bắc Kinh hiện đang có những “thay đổi phi thường.”

Ông chỉ ra những cải cách trong hệ thống hộ khẩu và tăng cường giám sát các doanh nghiệp nhà nước trung ương. “Đây sẽ là một sự thay đổi kéo dài hai đến ba năm, trong đó mọi phòng ban cần phải có phản ứng với kế hoạch... Không phải là một thay đổi mạnh mẽ đột ngột, mà thiên về chuyển đổi dần dần, ổn định hơn.”

Mối quan tâm hiện nay của các nhà đầu tư là Bắc Kinh sẽ chi bao nhiêu cho gói kích thích kinh tế.

Trong một cuộc họp báo sau kỳ nghỉ lễ quốc khánh, Bộ trưởng Tài chính Lam Phát An đã từ chối tiết lộ con số. Thị trường hy vọng rằng các số liệu chi tiết sẽ được công bố tại cuộc họp lãnh đạo của Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc, tức Quốc hội Trung Quốc, dự kiến diễn ra trong vài tuần tới.

Nhưng ông Lam đã trình bày sơ lược về các biện pháp kích thích tài khóa được lên kế hoạch, hứa rằng chính quyền địa phương sẽ nhận được nhiều hỗ trợ hơn. Ngoài ra, các ngân hàng nhà nước sẽ được tái cấp vốn, ông nói. Lam cũng hứa rằng chính quyền địa phương sẽ nhận được “biện pháp giảm nợ mạnh nhất được đưa ra trong những năm gần đây.” Và ông để ngõ cánh cửa cho các biện pháp kích thích chung hơn, cam kết rằng “chúng ta có nhiều không gian” để tăng thâm hụt ngân sách và nợ của chính quyền trung ương.

Các nhà kinh tế cho biết phần lớn kế hoạch tài khóa xoay quanh việc giúp các chính quyền địa phương tái cấp vốn cho các khoản vay “có vấn đề” trong số khoảng 60 nghìn tỷ nhân dân tệ (tương đương 8,4 nghìn tỷ đô la) nợ mà các phương tiện tài chính của họ đang gánh chịu – tức các công ty ngoài

ngân sách đầu tư thay mặt cho họ. Goldman Sachs ước tính rằng khoảng 12 nghìn tỷ nhân dân tệ trong số tín dụng này là đáng quan ngại.

Chính phủ đã phê duyệt hạn ngạch gần 4 nghìn tỷ nhân dân tệ cho các giao dịch hoán đổi nợ của chính quyền địa phương trong năm nay và năm ngoái. Goldman cũng dự kiến Quốc hội sẽ phê duyệt hơn 5 nghìn tỷ nhân dân tệ cho mục đích này trong “nhiều năm.” Trên hết, chính phủ có thể công bố khoảng 1 đến 2 nghìn tỷ nhân dân tệ trái phiếu chính quyền trung ương siêu dài hạn, được sử dụng cho các biện pháp kích thích sâu rộng hơn và đặt mục tiêu thâm hụt ngân sách chính thức cao hơn.

Vương Đào, nhà kinh tế trưởng về Trung Quốc tại ngân hàng đầu tư UBS, cho biết hướng dẫn của Bộ tài chính Trung Quốc về việc tái cấp vốn cho nợ của chính quyền địa phương và việc sử dụng nguồn tài trợ của chính phủ để thu mua bất động sản tồn đọng “là động lực rất quan trọng thúc đẩy niềm tin cho thị trường và có thể giúp ổn định nền kinh tế.”

“Thật không may, nếu bạn muốn giảm bớt vấn đề nợ nần, bạn phải ném thêm nợ vào đó. Chúng tôi đã học được bài học đắt giá từ hai kinh nghiệm trái ngược nhau ở Mỹ và Châu Âu,” Vương nói, viện dẫn việc Mỹ huy động nguồn lực khổng lồ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 để giải quyết cuộc khủng hoảng cho vay dưới chuẩn, nhờ đó giúp nước này giải quyết các vấn đề nợ nhanh hơn ở Châu Âu.

“Vì vậy, tôi nghĩ Trung Quốc...cũng cần một cú hích thực sự lớn về mặt tài khóa và tín dụng để tái khởi động nền kinh tế,” Vương nói thêm. “Nếu không, chúng tôi sẽ có nguy cơ rơi vào vòng xoáy giảm phát.”

Phần còn lại của gói kích thích này là hỗ trợ cho thị trường chứng khoán, với việc ngân hàng trung ương tạo điều kiện cho các công ty bảo hiểm, quỹ, và công ty chứng khoán vay tiền để đầu tư vào thị trường và hỗ trợ các doanh nghiệp niêm yết thực hiện mua lại cổ phiếu.

Các nhà phân tích nhận định ý tưởng này nhằm mục đích tăng lượng cổ phần của các tổ chức trong các cổ phiếu Trung Quốc, vốn thường biến động, và biến thị trường này thành một kênh đầu tư thay thế đáng tin cậy cho bất động sản đối với các hộ gia đình.

Mạnh Lỗi, chiến lược gia cổ phiếu Trung Quốc tại UBS Securities, cho biết: “Hiện tại, ít người kỳ vọng giá bất động sản sẽ tăng nhanh trong thập kỷ tới. Điều đó có nghĩa là người dân Trung Quốc cần một nguồn dự trữ tài sản mới để giúp tài sản hộ gia đình của họ tăng lên.”

Quyết định thay đổi chính sách dường như đã có hiệu quả. Trong kỳ nghỉ lễ, chủ đề bàn tán của thực khách ở các thành phố lớn của Trung Quốc là về số tiền mà mọi người từng kiếm được trên thị trường chứng khoán trước đây. Nhưng hiện tại, định giá đã tăng lên mức trung bình lịch sử 5 năm. Về lâu dài, các yếu tố cơ bản kinh tế vĩ mô cũng cần hỗ trợ thị trường.

“Có rất nhiều tranh luận. Một người lạc quan sẽ lập luận rằng chính sách đã thay đổi mọi thứ và từ đây nền kinh tế sẽ ổn định và tăng trưởng, và điều đó sẽ hỗ trợ thị trường,” Mạnh nói. “Nhưng người bi quan sẽ lập luận rằng các vấn đề chỉ có thể được giải quyết bằng một chính sách siêu mạnh và chúng ta vẫn chưa có thông tin chi tiết.”

Nhiều người đồng ý rằng, dù suy nghĩ của Tập về biện pháp kích thích kinh tế đã thay đổi, nhưng vẫn chưa có dấu hiệu nào cho thấy sẽ có những cải cách hoặc chi tiêu quyết liệt hơn để cân bằng lại nền kinh tế theo hướng tăng cường tiêu dùng hộ gia đình.

Trong khi chính phủ đã tăng tuổi nghỉ hưu và tăng viện trợ cho các nhóm có nhu cầu, chẳng hạn như sinh viên, trọng tâm chủ yếu vẫn là sửa chữa bảng cân đối kế toán của chính quyền địa phương và ngân hàng nhà nước. Đây là điều mà Bắc Kinh kỳ vọng sẽ đặt nền tảng cho các cơ quan cấp dưới bắt đầu chi tiêu trở lại.

“Cho đến nay, chưa ai làm được điều đó,” Richard Yetsenga, nhà kinh tế trưởng của Viện nghiên cứu ANZ, nói, ám chỉ đến những nỗ lực giải quyết hậu quả nợ từ các cuộc khủng hoảng bất động sản chỉ bằng cách sửa chữa bảng cân đối kế toán của chính phủ. “Kinh nghiệm quốc tế cho thấy bạn cần phải triển khai chính sách tài khóa và chính sách cơ cấu cùng một lúc, và cả hai đều cần phải rất đáng kể.”

Tuy nhiên, hầu hết các nhà phân tích đều đồng ý rằng mục tiêu của Tập là duy trì tăng trưởng đúng hướng thay vì thay đổi tầm nhìn dài hạn của ông đối với nền kinh tế.

“Tôi sẽ không gọi đó là sự đảo ngược – một mô tả tốt hơn sẽ là sự hiệu chỉnh nhằm ngăn nền kinh tế suy thoái hơn nữa,” Olivia Cheung, đồng tác giả cuốn *The Political Thought of Xi Jinping* ( Tư tưởng Chính trị Tập Cận Bình) và là học giả tại Trường London về Nghiên cứu Phương Đông và Châu Phi (SOAS), nhận xét. Một nền kinh tế ổn định là điều cần thiết “để cung cấp nền tảng vật chất cho Tập làm những gì ông ấy muốn làm,” bà nói thêm.

Hồng Nguyên Viễn, một chuyên gia về Trung Quốc tại Đại học Johns Hopkins, cho biết Tập đang đặt cược di sản của mình vào cái mà ông gọi là phát triển “chất lượng cao,” về cơ bản là đưa ngành công nghiệp Trung Quốc lên cao hơn trong chuỗi giá trị, đặc biệt là trong công nghệ tinh vi. “Ông ấy không mấy quan tâm, thậm chí có lẽ xem thường, nền kinh tế cũ.”

Nhưng giờ đây, khi các quan chức đang lo sợ rằng họ có thể bỏ lỡ mục tiêu tăng trưởng chính thức, bài học rút ra là “nền kinh tế cũ và mới đan xen vào nhau,” Hồng nói thêm. “Chính phủ Trung Quốc đang học được rằng họ không thể chỉ theo đuổi nền kinh tế mới một cách không ngừng nghỉ trong khi bỏ bê nền kinh tế cũ, vốn vẫn mang lại phần lớn tăng trưởng và việc làm ở Trung Quốc.”

Nguyên: Joe Leahy, Edward White, và Cheng Leng, “Why Xi Jinping changed his mind on China’s fiscal stimulus,” Financial Times, 22/10/2024

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

Bản tiếng Việt của Nghiên cứu Quốc tế.

# CÁC ƯU TIÊN KINH TẾ CỦA KAMALA HARRIS

NOURIEL ROUBINI



*Mặc dù một số đề xuất chính sách của Kamala Harris vẫn còn mơ hồ, không còn nghi ngờ gì nữa rằng các chính sách tài khóa, thương mại, khí hậu, nhập cư, tiền tệ và chính sách Trung Quốc của bà sẽ rất khác so với đối thủ của mình. Chương trình nghị sự của Donald Trump có khả năng cao gây ra lạm phát, giảm tăng trưởng kinh tế và làm bội chi ngân sách liên bang.*





NEW YORK – Với các cuộc thăm dò cho thấy Kamala Harris có ít nhất 50% cơ hội giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ vào tháng tới, các câu hỏi về chương trình nghị sự chính sách kinh tế của bà đã trở nên nổi bật. Tất nhiên, nhiều điều cũng sẽ phụ thuộc vào kết quả bầu cử các ghế trong Quốc hội. Nếu đảng Dân chủ giành chiến thắng tại Nhà Trắng và cả hai viện Quốc hội, họ có thể thực hiện các chính sách tài khóa dễ dàng với một đa số (thông qua một quy trình điều chỉnh ngân sách). Nếu ngược lại, một chính quyền Harris rõ ràng là sẽ bị hạn chế hơn.

Khi Harris (một cách ngắn ngủi) tranh cử tổng thống vào năm 2019, các đề xuất kinh tế của bà nghiêng về phía cánh tả của đảng Dân chủ. Trong số đó, bà ủng hộ chương trình chăm sóc sức khỏe toàn dân do nhà nước tài trợ, phi hình sự hóa nhập cư bất hợp pháp, một “Thỏa thuận Xanh Mới” (Green New Deal) trị giá 10 nghìn tỷ USD để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, và cấm khai thác khí đá phiến.

Hiện tại, bà đang vận động với các chính sách trung dung hơn, bao gồm ủng hộ Đạo luật Chăm sóc Sức khỏe Hợp túi tiền (Obamacare), mặc dù có một số thay đổi mới như áp giá trần cho insulin và mở rộng quyền của chính phủ trong việc đàm phán giá thuốc cho Medicare và Medicaid. Bà cũng ủng hộ thỏa thuận lưỡng đảng gần đây nhằm trấn áp nhập cư bất hợp pháp — điều mà đối thủ của bà, Donald Trump, đã thuyết phục các thành viên đảng Cộng hòa hủy bỏ vì lý do bầu cử — chấp nhận khai thác khí đá phiến và ủng hộ khoản chi tiêu xanh hạn chế hơn (1 nghìn tỷ USD) trong Đạo luật Giảm Lạm phát. (Thực tế, bà rất ít đề cập đến biến đổi khí hậu trong các bài phát biểu của mình.)

Mặc dù nhiều đề xuất khác của Harris vẫn còn mơ hồ, dường như bà đại diện cho sự tiếp nối các chính sách kinh tế của Tổng thống Joe Biden. Bà sẽ ủng hộ nỗ lực đưa sản xuất trở lại Mỹ và tạo ra một “nền kinh tế cơ hội” với sự tăng trưởng toàn diện hơn. Bà sẽ không né tránh sự can thiệp của nhà nước, đặc biệt là các chính sách công nghiệp để hỗ trợ các lĩnh vực kinh tế và công nghệ trong tương lai. Và bà sẽ cố gắng hạn chế quyền lực của các công ty độc quyền lớn thông qua các quy định.

Về chính sách tài khóa, Harris đề xuất giới hạn chi phí chăm sóc trẻ em ở mức 7% thu nhập hộ gia đình (ngụ ý có trợ cấp), phục hồi tín dụng thuế cho trẻ em và cấp tín dụng thuế 25,000 USD cho những người mua nhà lần đầu. Vì những biện pháp này có thể làm tăng nhu cầu và giá cả, bà cũng có kế hoạch tăng nguồn cung nhà ở có giá phải chăng. Bà sẽ đưa ra một số tín dụng thuế mới cho các doanh nghiệp nhỏ và gia hạn chương trình cắt giảm thuế của Trump đối với các hộ gia đình có thu nhập dưới 400,000 USD mỗi năm.

Để tài trợ cho những chính sách này, bà sẽ tăng thuế suất doanh nghiệp từ 21% lên 28%, tăng thuế đối với giới siêu giàu (những người hiện đang có mức thuế cận biên cao nhất là 39%), và xem xét khả năng đánh thuế trên lãi vốn chưa thực hiện. Cuối cùng, bà không có kế hoạch cải cách các chương trình phúc lợi như An sinh Xã hội và Medicare. Tổng cộng, Ủy-ban Ngân-sách Liên-bang Có-trách-nhiệm ước tính rằng các đề xuất của Harris sẽ tiêu tốn 3,5 nghìn tỷ USD trong vòng một thập kỷ, trong khi của Trump sẽ tiêu tốn 7,5 nghìn tỷ USD trừ khi có các loại thuế khác (như thuế quan) được áp dụng.

Về các chính sách thương mại của Harris, chúng sẽ khá tương tự với của Biden, mặc dù bà đã đề cập rất ít về Trung Quốc trong quá trình vận động tranh cử. Các chính sách hướng đến “giảm thiểu rủi ro” — nhưng không tách rời — sẽ được tiếp tục trong các lĩnh vực chiến lược như kim loại quan trọng, đất hiếm, công nghệ xanh và công nghệ cao, cũng như các lệnh trừng phạt và hạn chế xuất khẩu đối với linh kiện bán dẫn và các đầu vào khác liên quan đến trí tuệ nhân tạo.

Chính quyền Biden đã mô tả cách tiếp cận của mình giống như là việc tạo ra một “cái sân nhỏ với hàng rào cao,” và Harris sẽ chắc chắn mở rộng khoảng sân đó. Do đó, thuế quan – như mức thuế 100% đối với xe điện sản xuất tại Trung Quốc – sẽ được duy trì, các hạn chế đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào và ra khỏi Trung Quốc sẽ được thắt chặt, và nhiều đề xuất từ Ủy-ban Chọn-lọc Hạ-viện về Trung Quốc sẽ được thực hiện.

Tuy nhiên, khác với Trump, Harris sẽ không áp thuế lên các nước bạn và đồng minh hoặc theo đuổi thuế quan toàn diện đối với tất cả hàng hóa của Trung Quốc. Bà sẽ theo đuổi một cuộc cạnh-tranh-chiến-lược-được-quản-lý với Trung Quốc, thay vì hoàn toàn kiềm chế hoặc tách rời. Bà sẽ thúc giục các đồng minh NATO chi ít nhất 2% GDP cho quốc phòng (thực tế, 23 trong số 32 quốc gia đã làm như vậy), và bà sẽ ủng hộ các liên minh, các hiệp ước an ninh đa phương như Quad và AUKUS, cũng như quan hệ song phương với các đối tác quan trọng như Ấn Độ và Philippines. Bà sẽ giữ Mỹ trong Thỏa thuận Paris về Khí hậu và cố gắng tăng cường nỗ lực giảm phát thải và đẩy nhanh chuyển đổi xanh.

Tuy nhiên, giống như Biden, Harris sẽ không cố gắng gia nhập hiệp định kế nhiệm của Hiệp định Đối tác xuyên Thái

Bình Dương, mặc dù nhiều chiến lược gia tin rằng việc “xoay trục sang châu Á” cần có một chân kinh tế để đứng vững. Dựa vào việc duy trì chính sách tỷ giá hối đoái linh hoạt của Mỹ, bà có thể sử dụng việc dán nhãn thao túng tiền tệ để đe dọa một số quốc gia. Cùng lúc đó, bà sẽ tiếp tục cho phép sử dụng đồng đô la Mỹ như một vũ khí của an ninh quốc gia (thông qua các biện pháp trừng phạt sơ cấp và thứ cấp). Nhưng, có lẽ bà cũng sẽ đủ thận trọng để theo đuổi các chính sách nhằm duy trì vị thế của đồng USD là đồng tiền dự trữ chính trên toàn cầu.

Như vậy, các chính sách tài khóa, thương mại, khí hậu, nhập cư, tiền tệ và chính sách Trung Quốc của Harris sẽ rất khác so với đối thủ của bà. Chương trình nghị sự của Trump có khả năng gây ra lạm phát cao hơn, giảm tăng trưởng kinh tế (thông qua thuế quan, sự suy giảm giá trị đồng tiền và các hạn chế về nhập cư), và làm bội chi ngân sách. Tuy nhiên, thị trường vẫn chưa định giá được thiệt hại mà Trump sẽ gây ra cho nền kinh tế và thị trường. Có lẽ một chính phủ chia rẽ sẽ kìm chế ông ta. Có lẽ các cố vấn chính sách ôn hòa hơn của ông hoặc kỷ luật thị trường sẽ làm giảm bớt các lập trường chính sách cực đoan nhất của ông. Tuy nhiên, sự lựa chọn hàng đầu trong cuộc bỏ phiếu là rất rõ ràng.

Nguồn: Nouriel Roubini, “The US Election and America’s Future”, Project Syndicate, 28/10/2024

Biên dịch: Phong trào Duy Tân.

# TRUMP SẼ NHẮM VÀO NHỮNG NGƯỜI NHẬP CƯ ĐẦU TIÊN

NINA L. KHRUSHCHEVA



*Lời lẽ vận động tranh cử ngày càng điên rồ của Donald Trump mang dấu ấn của một nhà độc tài nguy hiểm có khao khát cai trị một xã hội yếu kém, bị chia rẽ và đầy sự lo sợ. Nếu ông ta được phép thực hiện kế hoạch trục xuất hàng loạt như ông ta đã hứa hẹn, những người nhập cư không có giấy tờ sẽ là những nạn nhân đầu tiên phải chịu đựng việc này.*



MOSCOW – “Sâu bọ“, “Lũ hiệp dân“, “Chất độc trong máu của nước Mỹ“. Đó chỉ là một vài trong số những lời lẽ khinh miệt và vô nhân đạo mà Donald Trump đã dùng để miêu tả người nhập cư gốc Tây Ban Nha tại Hoa Kỳ. Giờ đây, ông ta đang hứa hẹn sẽ thực hiện “nỗ lực trục xuất lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ”. Viễn cảnh bắt giữ hàng triệu người như vậy không hề nghe giống một nền dân chủ tí nào và nghe giống như nước Pháp thời kỳ bị Đức Quốc Xã chiếm đóng vậy.

Hãy thử tưởng tượng kế hoạch của Trump sẽ bao gồm những việc gì đi. Những nhân viên nhập cư sẽ đột kích vào các trang trại và nhà máy để bắt giữ công nhân ở đây. Các giáo viên và những người quản lý nhà trường bị ép buộc phải cung cấp thông tin về học sinh. Giám sát bí mật các nhà thờ Công giáo La Mã để bắt giữ những tín đồ gốc Tây Ban Nha sau khi họ nhận Thánh Thể. Các gia đình sẽ bị chia cắt, những bậc cha mẹ sẽ bị trục xuất và có khả năng mất liên lạc với những đứa con nhỏ của họ.

Trump nói rằng chỉ những người nhập cư không có giấy tờ – mà đảng Cộng hòa tuyên bố là có khoảng 20 đến 30 triệu người, cao hơn nhiều so với số liệu ước tính chính thức khoảng 12 triệu người – mới là mục tiêu của việc trục xuất. Nhưng với hơn 60 triệu người gốc Tây Ban Nha đang sinh sống tại Hoa Kỳ (tính đến năm 2020), liệu có ai tưởng tượng rằng chiến dịch truy quét người nhập cư của ông ta sẽ không bắt giữ những công dân Mỹ không? Cơ quan Thực thi Di trú và Hải quan Hoa Kỳ (ICE) hiếm khi có một hồ sơ hoàn hảo trong lĩnh vực này, và chưa bao giờ thực hiện bất kỳ cuộc trục xuất hàng loạt nào ở quy mô mà Trump hình dung cả.

Trump sẽ tạo vở bọc hợp pháp cho chiến dịch của mình bằng cách viện dẫn một đạo luật đã cũ và ít được biết đến: đó là Đạo luật Kẻ thù Ngoại quốc (Alien Enemies Act) năm 1798, cho phép tổng thống “bắt giữ, giam cầm, bảo đảm an ninh và trục xuất” những người không phải công dân ở Hoa Kỳ đến từ một quốc gia “thù địch”. Đạo luật này được cho là nhằm mục đích sử dụng trong thời chiến để ngăn chặn gián điệp và việc phá hoại, nhưng đó không phải là lý do Tổng thống John Adams ban hành nó. Ông ta muốn hăm dọa những người ủng hộ phó tổng thống của mình, Thomas Jefferson, người mà ông ta tin rằng bị ảnh hưởng quá mức bởi các cuộc Cách mạng Pháp.

Do Hoa Kỳ lúc đó thực ra không có chiến tranh với Pháp, Adams đã đưa ra một điều khoản cho phép Đạo luật có thể được dùng để chống lại công dân của một quốc gia ngoại quốc vốn đang đe dọa “xâm lược” hoặc “xâm phạm lãnh thổ”. Nhưng, trong thực tế, Đạo luật Kẻ thù Ngoại quốc chỉ mới được sử dụng ba lần, cả ba lần đó đều luôn diễn ra trong các cuộc xung đột lớn.

Trong cuộc Chiến tranh năm 1812, tất cả công dân Anh sinh sống tại Hoa Kỳ được yêu cầu phải báo cáo tình trạng của họ. Trong Chiến tranh Thế giới Thứ nhất, Tổng thống Woodrow Wilson đã viện dẫn đạo luật này chống lại công dân của các đế quốc Wilhelmine, Áo và Ottoman, cũng như công dân của đồng minh của họ là Bulgaria, ông cho rằng những “kẻ thù ngoại quốc” này có thể bị xem như là tù nhân chiến tranh.

Lần nổi tiếng nhất là khi Tổng thống Franklin D. Roosevelt đã viện dẫn đạo luật này sau cuộc tấn công của Nhật Bản vào Trân Châu Cảng vào tháng 12 năm 1941, với công dân Nhật Bản, Đức và Ý đều được chỉ định như là kẻ thù

ngoại quốc. Phần lớn những người bị đưa vào trại giam tập trung là người Nhật Bản, nhưng một số người Do Thái gốc Đức – những người đã thoát khỏi trại tử thần của Đức Quốc xã bằng cách di cư sang Hoa Kỳ – cũng bị tập trung lại và giam giữ.

Đối với Trump, chính những người nhập cư — chứ không phải những quốc gia họ của họ — mới đang xâm lược Hoa Kỳ. Và, theo như Trung tâm Tư pháp Brennan (Brennan Center for Justice) cảnh báo, Đạo luật Kẻ thù Ngoại quốc có thể “được sử dụng chống lại những người nhập cư không làm gì sai trái, không có dấu hiệu phản bội và đang có mặt một cách hợp pháp” tại Hoa Kỳ. Không có lý do gì để cho rằng Trump sẽ không tận dụng tối đa điều này, đặc biệt là khi xét đến phán quyết gần đây của Tòa án tối cao rằng các tổng thống hiện tại và cựu tổng thống được miễn trừ gần như hoàn toàn khỏi việc bị truy tố vì các hành động chính thức của họ khi còn tại nhiệm.

Các cuộc thảo luận về chính sách chống nhập cư của Trump thường tập trung vào tác động của chúng lên nền kinh tế mà theo Bloomberg nó có thể khiến nền kinh tế Hoa Kỳ thiệt hại khoảng 4,7 nghìn tỷ đô la trong mười năm. Ai sẽ thu hoạch nông sản ở Thung lũng Trung tâm California sau khi Trump thanh trừng? Ai sẽ thay ga trải giường và lau chùi sàn nhà ở bệnh viện và nhà dưỡng lão? Ai sẽ chôn cất người chết và duy trì nghĩa trang?

Việc Trump thanh trừng người nhập cư có thể làm cho nền kinh tế Hoa Kỳ thiệt hại nặng nề; giá thực phẩm và các hàng hóa thiết yếu khác có thể tăng vọt. Hơn nữa, việc trục xuất bản thân nó cũng rất tốn kém. Theo một ước tính, việc trục xuất một triệu người nhập cư không có giấy tờ mỗi năm — tỷ



lệ mà ứng cử viên phó tổng thống của Trump, J.D. Vance, đã đề xuất — có thể tiêu tốn 88 tỷ đô la mỗi năm.

Nhưng cái giá về mặt kinh tế của việc trục xuất hàng loạt sẽ bị lu mờ bởi cái giá đôi với tâm hồn của nước Mỹ. Khi tôi chuyển đến Hoa Kỳ gần 35 năm trước, tôi nghĩ rằng kinh nghiệm lớn lên ở Liên Xô của tôi sẽ rất khác biệt so với cách thức vận hành của một đất nước được cho là nơi của tự do và pháp quyền này. Ngày nay, tôi nghe thấy trong lời lẽ vận động tranh cử gây sốc của Trump — những lời đe dọa về “kẻ thù bên trong” và sự thiếu tôn trọng hoàn toàn đôi với quyền lợi, chuẩn mực và pháp quyền — những tiếng vang của điều gì đó quen thuộc: một nhà độc tài nguy hiểm có khao khát cai trị một xã hội yếu kém, bị chia rẽ và đầy sự lo sợ.

Điều gì sẽ xảy ra nếu “tiếng chuông sắc bén vào đêm khuya hoặc tiếng gõ cửa thô lỗ” — nỗi kinh hoàng của quê hương tôi trong những năm tháng tăm tối nhất của thời kỳ khủng bố Stalin — trở thành một phần của cuộc sống người Mỹ đây? Liệu người Mỹ có nhắm mắt làm ngơ trước những trại giam người nhập cư đang mọc lên? Liệu mọi người có trở thành kẻ chỉ điểm, tố cáo hàng xóm và đồng nghiệp của họ với cảnh sát nhập cư của Trump?

Nước Mỹ đang bị khủng bố bởi Trump rồi. Điều đó rất rõ ràng mỗi khi những nhà lãnh đạo quyền lực hạ thấp bản thân họ để được ông ta ưu ái. Hồng y Tổng Giám mục New York Timothy Dolan, người đã cười nhe răng và cười om sòm khi Trump nói ra vô số lời tục tĩu tại một bữa tối nghi lễ, là một ví dụ đáng xấu hổ xảy ra gần đây.

Trong một số nhóm — đặc biệt là giới lãnh đạo của đảng Cộng hòa — sự hèn nhát như vậy gần như chắc chắn sẽ tiếp tục tồn tại khi đôi mặt với việc trục xuất hàng loạt. Nhưng

bất kỳ ai bị cám dỗ để bỏ phiếu cho một người đàn ông đang lên kế hoạch thực hiện một chính sách khủng bố nhà nước thì nên nhớ đến lời thú tội nổi tiếng của Mục sư Martin Niemöller sau Thế chiến Thứ hai: “Lúc đầu họ đến bắt những người cộng sản”, ông ta bắt đầu nói như vậy, “và tôi không lên tiếng, bởi vì tôi không phải là một người cộng sản”. Điều tương tự cũng xảy ra với những người theo xã hội chủ nghĩa, công đoàn viên và người Do Thái. Nhưng rồi “họ đến bắt tôi”, ông kết luận, “và không còn ai” để mà lên tiếng cả.

---

Nguồn: Nina L. Khrushcheva, “First Trump came for the Immigrants”, *Project Syndicate*, 25/10/2024

Biên dịch: Phong trào Duy Tân.

# QUAN ĐIỂM VỀ CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA DONALD TRUMP

NGUYỄN HUY VŨ



*Donald J. Trump là một người đàn ông mạnh mẽ, mưu lược, và rất kiên nhẫn trong các quyết định của mình.*



Muốn biết những quan điểm về ngoại giao của Donald Trump, tổng thống mới đắc cử của Hoa Kỳ, có lẽ những người bình luận nên đọc qua hai cuốn sách về chính sách công của ông, đó là cuốn “The America We Deserve” (Nước Mỹ Mà Chúng Ta Xứng Đáng Có) xuất bản tháng Giêng năm 2000 và “Time to Get Tough” (Đã Đến Lúc Phải Cứng Rắn) xuất bản tháng 12 năm 2011. Dù khen hay chê về các chính sách thì đó là hai cuốn sách về chính sách công đúng nghĩa, bàn về các vấn đề của nước Mỹ và các chính sách mà ông coi là có thể giải quyết nó, từ tội phạm tràn lan, đến chất lượng giáo dục, nợ công cao ngất ngưỡng cho đến quan điểm trong chính sách đối ngoại của ông. Lẽ dĩ nhiên, nếu không có thời gian thì có thể đọc tóm tắt điểm chính của các chương.

Dừng một chút để nói về văn hóa chính trị Mỹ đó là các chính trị gia, nhất là các ứng cử viên ra tranh cử tổng thống, họ luôn có một ý niệm về các chính sách họ muốn triển khai nhằm giải quyết các vấn đề của đất nước, và đôi khi cũng để thu hút cử tri. Việc xuất bản các chính sách này thành những quyển sách nghiêm túc không những đóng góp vào hiểu biết chính trị của đại chúng mà còn là một kênh tương tác giữa những nhà lãnh đạo với thường dân, để cho người dân biết rằng những nhà lãnh đạo muốn dẫn dắt đất nước mình tới đâu. Đó là một văn hóa tốt mà những cá nhân muốn dẫn thân vào con đường chính trị của Việt Nam cần học tập. Hãy suy nghĩ khi mình ở vị trí lãnh đạo đâu là những quyết sách mình sẽ giải quyết, tìm các lời giải và chia sẻ với toàn dân.

Nhiều người phê phán và bất ngờ khi Donald Trump thắng cử. Trong số người đó, có lẽ phần lớn không đọc hai quyển sách này của ông. Nếu đọc họ sẽ có một ý niệm khác về người đàn ông này. Một cách ngắn gọn ông là một người đàn ông mạnh mẽ, mưu lược, và rất kiên nhẫn trong các quyết

định của mình. Cuốn sách đầu tiên, *The America We Deserve*, xuất bản tháng Giêng năm 2000 khi ông quyết định ra tranh cử tổng thống ở vị trí là một ứng viên của Đảng Cải Cách (Reform Party), để rồi cuối cùng mất vị trí đề cử về tay Pat Buchanan và Buchanan sau đó thất cử trước George W. Bush. Cuốn sách rất nghiêm túc về chính sách công là một phản biện lại những chỉ trích cho rằng ông là một ứng cử viên không nghiêm túc. Hơn mười năm sau, tháng 12 năm 2011, ông xuất bản cuốn sách thứ hai để chuẩn bị cho cuộc chạy đua lần thứ hai. Cuối cùng ông quyết định không ra tranh cử và đoán Mitt Romney sẽ thua Obama. Có lẽ ông tính được rằng năm 2012 chưa phải là một thời cơ tốt.

Ở bài này chỉ bàn về các quan điểm về chính sách ngoại giao của ông, chứ không phải bàn về chính sách đối ngoại. Vì vài lẽ. Thứ nhất, đó là cho đến lúc viết bài này thì ngoại trưởng tương lai chưa được chọn và chính sách ngoại giao chưa được thành hình lần thực thi. Thứ hai đó là Donald Trump là một người hay thay đổi ý kiến. Đọc các đề xuất chính sách trong hai cuốn sách xuất bản cách nhau 10 năm để thấy rằng quan điểm của Donald Trump có khá nhiều sự thay đổi. Vì vậy mà khoảng thời gian kể từ khi xuất bản cuốn sách gần nhất, *Time to Get Tough*, cho đến nay đã được 5 năm, những quan điểm ngoại giao có lẽ cũng thay đổi ít nhiều. Và đến khi quan điểm ngoại giao của Donald Trump tương tác với nội các của mình thì sự thay đổi đó cũng sẽ lớn hơn nữa.

Vì vậy mà bài này chỉ, một cách khiêm tốn, dám bàn tới quan điểm ngoại giao của ông và gói gọn trong những đề xuất trong hai cuốn sách.

Nếu vẫn là người thì đọc hai cuốn sách của ông bạn sẽ hiểu phần nào tính cách. Các câu văn được viết dưới dạng văn nói,

ngắn, không trau chuốt ngôn ngữ, thẳng thừng và đôi khi mang tính thách thức. Chẳng hạn khi bàn về tội phạm ông hỏi thẳng những người lên án việc thắt chặt luật lệ hơn dẫn đến việc giam giữ nhiều tội phạm hơn rằng họ muốn nhận bao nhiêu thẳng tội phạm chuyển về khu mình ở? Và ông phán gọn lọn rằng: Không.

Ông cho rằng một tổng thống Mỹ nên là một dealmaker (người quyết định từng thương vụ) thay vì là một chess player (người chơi cờ). Vì đơn giản rằng trong thế giới hiện đại khó mà có một chính sách ngoại giao chung chung được.

Khác với chess player vốn là một người phải chơi theo chiến lược và chiến thuật định sẵn, một dealmaker là một người giữ nhiều quả bóng, đánh giá lợi ích cạnh tranh của các quốc gia khác nhau, và luôn luôn đặt lợi ích nước Mỹ lên hàng đầu. Một dealmaker biết khi nào nên tiến và khi nào nên lùi, khi nào thì chân thật và khi nào thì hăm dọa, và anh ta phải hiểu rằng một khi anh ta hăm dọa thì phải chuẩn bị để thể hiện sự hăm dọa đó. Một dealmaker rất xảo quyệt, giấu giếm, tập trung, và không bao giờ chịu dàn xếp nếu anh ta nhận ít hơn điều anh ta muốn.

Trong lịch sử nước Mỹ, chỉ có hai tổng thống là dealmaker, đó là Franklin Roosevelt, người dẫn nước Mỹ qua khỏi Thế chiến thứ 2 và người còn lại là Richard Nixon người đẩy nước Nga tới bàn đàm phán để đưa đến việc cắt giảm vũ khí hạt nhân. Và nước Mỹ từ rất lâu rồi chưa có một tổng thống là một dealmaker như vậy.

Có lẽ vì một quan điểm như vậy mà chính sách ngoại giao của nước Mỹ tương lai càng khó đoán.

Về quan điểm trong chính sách đối ngoại trong cuốn *The America We Deserve*, có ba ý chính, đó là: một, hãy cứng rắn hơn nữa với Trung Quốc, chúng ta đang quá sẵn lòng để làm vừa lòng họ; hai, sự thiếu quyền con người ở Trung Quốc ngăn ngừa sự phát triển thị trường tiêu dùng; và ba, hỗ trợ Nga, nhưng cần kèm theo các điều kiện.

Ông khẳng định Trung Quốc là thách thức lâu dài lớn nhất của Hoa Kỳ. Dù không thừa nhận, Trung Quốc muốn Hoa Kỳ đầu tư vào Trung Quốc. Và mặc dù Hoa Kỳ có lợi thế tay trên, Hoa Kỳ đã quá dễ dàng làm vừa lòng Trung Quốc. Hoa Kỳ nhìn Trung Quốc như một thị trường tiềm năng và thỏa mãn Trung Quốc để đánh đổi lại quyền lợi quốc gia của chính mình. Chính sách đối với Trung Quốc dưới triều của tổng thống Clinton và Bush đó là hướng đến việc thay đổi chế độ của Trung Quốc bằng các động lực về kinh tế và chính trị, tuy ý định có vẻ tốt nhưng rõ ràng thì cuối cùng chẳng có gì thay đổi.

Đề cập đến vấn đề nhân quyền, ông cho rằng là một doanh nhân như mình thì ông có thể ngó lơ chuyện nhân quyền. Và khi mà đụng tới nó thì rõ ràng người Mỹ khó có thể làm được gì nhiều để thay đổi chính sách đối nội của một quốc gia. Nhưng ông thể hiện một thái độ rõ rệt rằng không muốn bỏ qua chuyện đàn áp công dân mình của chính phủ Trung Quốc, bởi theo ông các chính sách đàn áp nhân quyền của chính quyền Trung Quốc cho thấy rằng Trung Quốc coi thường lối sống của người Mỹ, lối sống tôn trọng tự do và nhân phẩm. Ông cũng nhấn mạnh rằng nước Mỹ sẵn lòng giao thương với Trung Quốc, nhưng không phải để đánh mất đi những giá trị cốt lõi của người Mỹ, và người Mỹ không nên mở cửa bằng bất cứ giá nào cho những quốc gia đi ăn cắp của người Mỹ.

Đôi với Nga, quan điểm của ông rõ ràng hơn, ông cho rằng Nga và các nước nhận viện trợ rằng nếu họ muốn nhận tiền của người Mỹ họ phải hòa cùng nhịp với các chính sách của nước Mỹ, phải nhảy cùng một nhịp với nước Mỹ, ít nhất là ở các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia. Và họ cần người Mỹ hơn là người Mỹ cần họ. Nước Mỹ có lợi thế đòn bẩy và thật là điên rồ mới không sử dụng nó để đạt được lợi thế tốt hơn.

Trong Time to Get Tough, Donald Trump đi xa hơn trong thái độ với Trung Quốc. Ông nói thẳng rằng Trung Quốc là kẻ thù của nước Mỹ, ăn cướp nước Mỹ hàng trăm tỉ đô la bằng cách điều chỉnh và phá giá đồng tiền của mình. Mặc cho những cuộc nói chuyện có vẻ vui vẻ ở Washington thì các lãnh đạo Trung Quốc không phải là bạn của nước Mỹ.

Khi nhận những lời chỉ trích từ những người khác rằng tại sao lại gọi Trung Quốc là kẻ thù, ông lập luận rằng: “chúng ta có thể gọi họ là gì khi họ đang phá hủy tương lai của con và cháu chúng ta? Chúng ta thích gọi họ là gì khi họ khiến chúng ta phá sản, họ ăn cắp công việc của chúng ta, họ dùng tình báo để lấy trộm công nghệ của chúng ta, họ phá hoại đồng tiền của chính ta, và họ phá hủy lối sống của chúng ta?” Và với ông, họ là kẻ thù. Ông cho rằng nếu người Mỹ muốn nước Mỹ trở thành số một một lần nữa, thì người Mỹ phải có một tổng thống phải biết cứng rắn với Trung Quốc, biết thương thuyết thẳng Trung Quốc, và khiến họ không thể áp lực người Mỹ ở bất cứ chỗ nào.

Ông cũng cho rằng nếu không có gì ngăn chặn việc chuyển các dự án sang Trung Quốc, và giúp giữ các công việc cho người Mỹ, thì trước năm 2027, Trung Quốc sẽ qua mặt Hoa Kỳ trở thành nền kinh tế lớn nhất.



Ông chỉ trích chính sách ngoại giao của Obama là lừa phỉnh các đồng minh Đông Âu, rằng khi Obama nhận chức, ông gửi một nhân viên hàng đầu đến Moscow (Mat-xcơ-va) đem theo một bức thư tuyệt mật gửi tổng thống Nga lúc đó là Dmitry Medvedev. Trong thư nói rằng Obama sẽ rút lui, không khai triển hệ thống phòng thủ tên lửa mới ở Đông Âu nếu Nga ngừng ủng hộ Iran phát triển những vũ khí tầm xa. Putin nghe vậy, sững quá, bảo quyết định mới nhất của tổng thống Obama có những ảnh hưởng tích cực và Putin hi vọng rằng sau quyết định đúng đắn và dũng cảm này sẽ có những quyết định khác nữa. Ông kết luận rõ ràng là nội các Obama đã phản bội những đồng minh Ba Lan và Cộng hòa Séc của mình bằng cách ném họ ra khỏi chiếc xe buýt một cách trần truồng đối diện với các cuộc tấn công bằng tên lửa, mặc dù không có một cam kết công khai nào Moscow sẽ giúp chấm dứt các chương trình tên lửa tầm xa của Iran lại.

Nếu có một tóm tắt ngắn gọn về quan điểm ngoại giao của Donald Trump xuyên suốt hai cuốn sách của mình đó là: một, đặt quyền lợi nước Mỹ trước hết; hai, cứng rắn hơn với Trung Quốc và thậm chí coi Trung Quốc là kẻ thù, là đối thủ nguy hiểm nhất; ba, Nga không đáng sợ, nước Mỹ có thể cùng Nga “nhảy chung một nhịp” và người Nga cần người Mỹ hơn là ngược lại; và bốn, không bỏ qua các đàn áp nhân quyền của các chính phủ vì đó là đi ngược lại và coi khinh những giá trị của người Mỹ.

Trên đây là những quan điểm ngoại giao của Donald Trump trong hai cuốn sách của mình, còn đâu là chính sách ngoại giao của ông thì hãy chờ xem trong những ngày sắp tới.

# QUAN ĐIỂM CỦA DONALD TRUMP TRÊN 10 VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG, TỪ THUẾ ĐẾN ISRAEL

BBC



*Donald Trump là ứng cử viên của Đảng Cộng hòa cho chức tổng thống lần thứ ba liên tiếp. Khi ông thất bại trước Joe Biden sau nhiệm kỳ đầu tiên, đất nước lúc đó đang trải qua đại dịch Covid, bị phong tỏa và bất ổn xã hội. Chiến dịch tranh cử lần này của ông tập trung vào việc khôi phục lại cả tình hình kinh tế lẫn trật tự pháp luật, đó là những thông điệp chính của ông.*



Dưới đây là những chính sách mà ông cam kết sẽ thực hiện.

## KINH TẾ

Đây là vấn đề lớn nhất đối với các cử tri, và chính sự đè nặng từ giá lương thực và giá nhà ở leo thang mới là yếu tố định hình tâm lý của họ, chứ không phải mức tăng trưởng mạnh mẽ về kinh tế hay tỷ lệ thất nghiệp thấp.

Lạm phát đã giảm mạnh từ mức cao nhất trong 40 năm vào năm 2022, nhưng cựu doanh nhân New York vẫn giữ được lợi thế thăm dò vững chắc về kinh tế so với các đối thủ Đảng Dân chủ của mình.

Một trong 20 lời hứa cốt lõi trên trang web chiến dịch của Trump là “chấm dứt lạm phát và làm cho nước Mỹ trở nên dễ sống trở lại”. Quyền lực của tổng thống trong việc trực tiếp hạ giá là rất hạn chế. Trump đã cam kết mở rộng việc sản xuất năng lượng của Mỹ, mở các khu vực như vùng hoang dã Bắc Cực để khoan dầu, điều mà ông cho rằng sẽ làm giảm chi phí về năng lượng, mặc dù các nhà phân tích hoài nghi về việc này. Ông nói rằng ông có thể giảm chi phí nhà ở bằng cách ngăn chặn một số người nhập cư không có giấy tờ đi vay tiền để mua nhà và trục xuất những người nhập cư khác, và bằng cách khởi động một chương trình xây dựng nhà ở trên đất thuộc sở hữu của liên bang.

## THUẾ

Trump có một loạt các kế hoạch cắt giảm thuế.

Đầu tiên, ông muốn gia hạn các khoản cắt giảm thuế mà ông đã ban hành vào năm 2017, vốn sẽ hết hạn vào năm tới. Đây là cuộc cải cách thuế lớn nhất trong nhiều thập kỷ, nhằm đơn giản hóa bộ luật thuế và thúc đẩy tăng trưởng và đầu tư.

Các khoản cắt giảm lớn nhất đã dành cho các doanh nghiệp và những người giàu có, điều mà Đảng Dân chủ đã kêu gọi hủy bỏ.

Trump cũng muốn giảm thêm một điểm phần trăm thuế doanh nghiệp – và đã đề xuất một mức cắt giảm mạnh xuống còn 15%.

Ông cũng đã đề xuất miễn thuế thu nhập từ tiền bo, một đề xuất mà đối thủ của ông, Kamala Harris, cũng đã ủng hộ.

Trump cũng kêu gọi bãi bỏ thuế đối với các khoản thanh toán An sinh Xã hội, một động thái sẽ được người Mỹ nghỉ hưu hoan nghênh nhưng đồng thời sẽ tạo ra một lỗ hổng lớn trong quỹ.

## GIAO THƯƠNG

Cựu tổng thống Donald Trump đã chấm dứt kỷ nguyên thương mại tự do của Mỹ khi ông trở thành tổng thống, nhưng các mức thuế của ông đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc phần lớn vẫn được Joe Biden giữ lại và thậm chí còn được mở rộng thêm.

Lần này, ông đề xuất mức thuế mới từ 10-20% đối với hầu hết hàng hóa nước ngoài, với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ chịu mức thuế 60%.

Đây là một phần trong nỗ lực của ông nhằm thúc đẩy các nhà sản xuất trong nước và ngăn chặn việc gia công ra nước ngoài, nhưng một số nhà kinh tế cảnh báo rằng điều này có thể đẩy giá hàng tiêu dùng tăng lên.

Trong cuộc tranh luận tổng thống với Harris, Trump chỉ ra rằng ông đã áp thuế đôi với hàng hóa Trung Quốc, và chính quyền Biden chưa gỡ bỏ những mức thuế này.

## NHẬP CƯ

Đây là ưu tiên hàng đầu trong danh sách của Trump, giống như vào năm 2016 khi mà “Xây Bức tường” là khẩu hiệu đặc trưng của ông.

Số lượng người vượt biên đã đạt mức kỷ lục vào cuối năm 2023, nhưng đã giảm trong năm bầu cử này.

Trump đã cam kết sẽ hoàn thành bức tường biên giới và tăng cường thực thi luật pháp.

Ông cũng hứa hẹn sẽ thực hiện hàng loạt các cuộc trục xuất người nhập cư không có giấy tờ lớn nhất trong lịch sử Mỹ.

Phó tổng thống của ông, JD Vance, cho biết họ sẽ bắt đầu bằng việc trục xuất một triệu người trước, nhưng các chuyên gia nói với BBC rằng các cuộc trục xuất ở quy mô đó sẽ đối mặt với những thách thức về mặt pháp lý và hậu cần rất lớn. Cũng có những tuyên bố cho rằng điều này có thể làm chậm tăng trưởng kinh tế.

Con cái của những cư dân không có giấy tờ sẽ không còn đủ điều kiện để được cấp quốc tịch theo một chính sách khác của Trump, mặc dù điều này sẽ gặp phải những trở ngại pháp lý đáng kể.

## PHÁ THAI

Đây là cuộc bầu cử tổng thống đầu tiên kể từ khi Tòa án Tối cao Hoa Kỳ hủy bỏ quyền hiến pháp về phá thai vào năm

2022, và Trump đã gặp khó khăn trong việc đưa ra một thông điệp nhất quán về vấn đề này.

Ba thăm phán mà ông bổ nhiệm khi còn là tổng thống đã đóng vai trò quan trọng trong quyết định mang tính bước ngoặt này, điều mà đảng Dân chủ đã sử dụng để kêu gọi sự ủng hộ khi các hạn chế về phá thai được đưa ra tại nhiều bang.

Bản thân Trump thường xuyên nói rằng các bang nên được tự do quyết định luật pháp về phá thai của riêng họ.

Tuy nhiên, trong những tuần gần đây, ông đã phải cân nhắc kỹ lưỡng về vấn đề này, ông một mặt giữ lập trường ôn hòa hơn trong khi mặt khác cố gắng không làm mất lòng những người ủng hộ theo phe bảo thủ của mình.

Ông đã chỉ trích lệnh cấm phá thai 6 tuần của Florida, gây ra phản ứng dữ dội, nhưng cũng nói rằng ông sẽ phản đối việc bỏ phiếu ở bang này nhằm thiết lập quyền phá thai.

Trong cuộc tranh luận tổng thống, ông cho biết sẽ không ký vào một lệnh cấm phá thai toàn quốc.

## UKRAINE VÀ NATO

Đảng Cộng hòa có chính sách đối ngoại cô lập và muốn Mỹ rút khỏi các xung đột ở bất kỳ nơi nào trên thế giới.

Trump cam kết sẽ chấm dứt chiến tranh ở Ukraine “trong vòng 24 giờ” thông qua một thỏa thuận đàm phán với Nga, điều mà Đảng Dân chủ cho rằng sẽ khiến Vladimir Putin ngày càng ra tay mạnh hơn.

“Tôi biết Zelensky rất rõ, và tôi cũng biết Putin rất rõ,” ông nói trong cuộc tranh luận tổng thống. “Tôi nghĩ rằng lợi ích

tốt nhất của Mỹ là kết thúc cuộc chiến này và giải quyết nó, bằng cách đàm phán một thỏa thuận.”

Trump không đưa ra chi tiết về những gì ông nghĩ mỗi bên nên nhượng bộ trong thỏa thuận đó, và Điện Kremlin nói rằng không có gì có thể được giải quyết chỉ trong 24 giờ cả.

Trump cũng nói rằng ông sẽ ngừng dòng tiền chảy vào Ukraine. Ông Biden đã ký khoản viện trợ quân sự trị giá 61 tỷ USD cho Ukraine vào tháng Tư.

Về NATO, Trump cho rằng các quốc gia không đạt mức chi tiêu 2% GDP cho quốc phòng nên từ bỏ sự bảo vệ mà họ nhận được từ việc là thành viên của liên minh này.

## CHIẾN TRANH ISRAEL – GAZA

Trump đã tự khẳng định mình là một người ủng hộ mạnh mẽ Israel và lên án những người ủng hộ Palestine tại các khuôn viên trường đại học ở Mỹ.

Tuy nhiên, ông cũng đã vài lần chỉ trích cách thức Israel tiến hành cuộc chiến.

Ông tuyên bố rằng cuộc chiến sẽ không xảy ra nếu ông là tổng thống nhưng không đưa ra chi tiết về cách ông sẽ chấm dứt nó.

Khi còn là tổng thống, ông đã khiến người Palestine tức giận bằng cách di chuyển đại sứ quán đến Jerusalem và chính quyền của ông đã ngừng việc gọi các khu định cư của Israel ở Bờ Tây — một điều vi phạm luật pháp quốc tế — là bất hợp pháp.

## CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

Trong số 20 ưu tiên hàng đầu của mình, Trump hứa sẽ không cắt giảm Medicare, chương trình bảo hiểm y tế do liên bang cung cấp cho người cao tuổi.

Trong thời gian làm tổng thống, ông đã cố gắng, nhưng không thành công, để xóa bỏ đạo luật mang tính biểu tượng của Tổng thống Barack Obama, Đạo-luật Chăm-sóc Giá-cả-phải-chăng (the Affordable Care Act); luật này đã mở rộng bảo hiểm ra cho hàng triệu người.

Ông vẫn chỉ trích đạo luật vốn vẫn được ưa chuộng này, nhưng hồi tháng 3, ông đã nói trên mạng xã hội Truth Social rằng ông sẽ không làm suy yếu luật này đi.

Gần đây, ông kêu gọi việc dùng tiền thuế để hỗ trợ các điều trị sinh sản, nhưng chưa rõ liệu khoản chi phí lớn như vậy có được sự ủng hộ của đảng Cộng hòa trong Quốc hội hay không.

## TỘI PHẠM

Trump đã cam kết sẽ tiêu diệt các băng đảng ma túy, trấn áp bạo lực băng đảng và tái thiết các thành phố do Đảng Dân chủ điều hành mà ông cho rằng đang tràn ngập tội phạm.

Chính sách của ông hứa hẹn việc khôi phục an ninh trong các khu dân cư bằng cách bổ sung lực lượng cảnh sát và bảo vệ các sĩ quan khỏi các vụ kiện “vô căn cứ”.

Đảng Dân chủ chỉ ra rằng lời hứa ân xá cho hàng trăm kẻ gây ra bạo loạn ngày 6 tháng 1 của Trump mâu thuẫn với lập trường luật pháp và trật tự của ông đưa ra.

Họ cũng chỉ ra rằng tội phạm bạo lực đã giảm 6% vào năm 2023 và số vụ giết người đã giảm 13%, theo dữ liệu của FBI.



## KHÍ HẬU

Khi còn là tổng thống, Trump đã bãi bỏ hàng trăm quy định bảo vệ môi trường, bao gồm các giới hạn về khí thải carbon dioxide từ các nhà máy điện và xe cộ, cũng như các biện pháp bảo vệ các đường thủy liên bang.

Lần này, ông lại cam kết cắt giảm các quy định, đặc biệt là để hỗ trợ ngành công nghiệp ô tô của Mỹ.

Ông liên tục chỉ trích các xe điện, hứa hẹn sẽ bãi bỏ các mục tiêu của Biden về việc khuyến khích chuyển đổi sang xe thân thiện với môi trường hơn.

Và ông ấy lâu nay cũng đã chỉ trích các trang trại gió ngoài khơi, hứa hẹn sẽ ngừng ngay nguồn năng lượng tái tạo này ngay khi ông được bầu làm tổng thống.

---

Nguồn: Anthony Zurcher, "[Where Donald Trump stands on 10 key issues, from tax to Israel](#)", BBC, 23/10/2024

Biên dịch: Phong trào Duy Tân.

# QUAN ĐIỂM CỦA KAMALA HARRIS VỀ 10 VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG, TỪ DI CƯ ĐẾN SÚNG

BBC



*Phó Tổng thống Kamala Harris đã trở thành ứng cử viên của Đảng Dân chủ cho chức tổng thống khác muộn trong cuộc đua năm 2024 – bà thay thế Joe Biden – và sau đó đã chọn Thống đốc bang Minnesota Tim Walz làm người đồng hành tranh cử cùng mình.*



Bà đã công bố một bản kế hoạch chính sách chi tiết vào đầu tháng 9, cung cấp cho các cử tri một cái nhìn về một chính quyền dưới sự lãnh đạo của Harris-Walz sẽ như thế nào.

Nó tập trung vào chương trình nghị sự kinh tế và chính sách đối ngoại của bà ấy, và nhấn mạnh ưu tiên cấp bách nhất của bà là giải quyết vấn đề về chi phí sinh hoạt.

Dưới đây là những chính sách mà bà cam kết sẽ thực hiện.

## KINH TẾ

Khi là phó tổng thống, bà Harris đã làm việc với Tổng thống Biden để thông qua các luật kinh tế quan trọng – thường được gọi là “Bidenomics” – bao gồm các khoản đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng và năng lượng xanh.

Mặc dù nền kinh tế đang tăng trưởng và tạo ra nhiều việc làm nhưng lạm phát và lãi suất cao vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến túi tiền của người dân Mỹ.

Trong bài phát biểu chấp nhận đề cử tại đại hội, bà Harris hứa hẹn hỗ trợ thế chấp cho người mua nhà lần đầu, miễn thuế cho các bậc cha mẹ có con mới sinh và cấm tăng giá tại cửa hàng tạp hóa để giúp kiểm soát lạm phát.

Bà nói thêm rằng các kế hoạch của bà sẽ tạo ra “một nền kinh tế nơi mọi người đều có cơ hội cạnh tranh và thành công”.

Trong cuộc phỏng vấn đầu tiên với tư cách là ứng cử viên Đảng Dân chủ với CNN, bà Harris nói rằng một trong những ưu tiên hàng đầu của bà là “hỗ trợ và củng cố tầng lớp trung

lưu”, một chủ đề mà bà đã lặp đi lặp lại trong chiến dịch tranh cử.

## THUẾ

Vào năm 2017, khi còn là thượng nghị sĩ, bà Harris đã ủng hộ một số chương trình thuế lũy tiến. Bà đã đồng tài trợ một dự luật với cựu ứng cử viên tổng thống tiềm năng khi ấy là Bernie Sanders để mở rộng an sinh xã hội cho người cao tuổi bằng cách tăng thuế suất đầu tư.

Vào lúc bà là ứng cử viên tổng thống vào năm 2019, bà đã ủng hộ mức thuế doanh nghiệp là 35%, tăng lên từ mức 21%.

Đề xuất này mạnh mẽ hơn so với đề xuất của Tổng thống Biden, mà bà cũng ủng hộ, là tăng mức thuế lên 28%.

Trong bài phát biểu chấp nhận đề cử sau khi được xác nhận là ứng cử viên Đảng Dân chủ, bà nói rằng bà sẽ “thông qua một đợt cắt giảm thuế cho tầng lớp trung lưu để mang lại lợi ích cho hơn 100 triệu người Mỹ”.

Đây là đề cập đến việc khôi phục Trợ cấp Thuế Trẻ em (Child Tax Credit) và Trợ cấp Thuế Thu nhập Kiểm được (Earned Income Tax Credit). Khôi phục việc mở rộng Trợ cấp Thuế Trẻ em sẽ mang lại cho các gia đình có trẻ sơ sinh một khoản cắt giảm thuế 6.000 đô la Mỹ (4.630 bảng Anh).

Một quan chức chiến dịch cũng nói với BBC rằng bà phó tổng thống sẽ tiếp tục ủng hộ đề xuất của Tổng thống Biden về việc không tăng thuế đôi với người Mỹ kiếm được dưới 400.000 đô la Mỹ (310.000 bảng Anh).

## PHÁ THAI

Bà Harris từ lâu đã ủng hộ quyền phá thai.

Bà là phó tổng thống đầu tiên đến thăm một phòng khám phá thai và đã đi khắp đất nước sau khi Tòa án Tối cao Hoa Kỳ bãi bỏ phán quyết Roe kiện Wade (Roe v. Wade) vào năm 2022 để nói về các lệnh cấm phá thai của các bang – bà thường đặt vấn đề này trong khuôn khổ của quyền tự do cá nhân.

Bà đã đặt vấn đề về phá thai làm trọng tâm của chiến dịch của mình và tiếp tục vận động cho luật bảo vệ quyền sinh sản trên toàn quốc.

“Khi Quốc hội thông qua một đạo luật để khôi phục quyền tự do sinh sản, với tư cách là Tổng thống Hoa Kỳ, tôi sẽ ký nó thành luật,” bà phát biểu tại một cuộc vận động ở Atlanta, Georgia.

Bà đã nhiều lần nhắc lại cam kết đó, bao gồm cả trong cuộc tranh luận trên ABC News với Donald Trump.

## NHẬP CỬ

Quan điểm của bà Harris về vấn đề biên giới đã trở nên ôn hòa hơn theo thời gian.

Trong quá trình vận động tranh cử, bà tiếp tục bày tỏ sự ủng hộ đối với dự luật an ninh biên giới hợp tác giữa các đảng, trong đó bao gồm việc bỏ ra hàng trăm triệu đô la để xây dựng tường ở biên giới.

Dự luật này đã bị đảng Cộng hòa tại Quốc hội bác bỏ vào tháng 2 năm 2024 theo sự thúc giục của ông Trump.

Dự luật sẽ giúp đẩy nhanh quá trình quyết định về các trường hợp xin tị nạn, hạn chế việc cấp phép nhập cảnh vì lý do nhân đạo và tăng cường quyền trục xuất người nhập cư.

Phó tổng thống cho biết bà sẽ khôi phục và ký dự luật này thành luật.

Bà cũng khẳng định rằng “cần có những biện pháp xử lý” đối với những người vượt biên trái phép vào Mỹ, dù trước đó bà từng ủng hộ một cách tiếp cận khoan dung hơn.

Trong vai trò là phó tổng thống, bà được giao nhiệm vụ giải quyết các nguyên nhân gốc rễ dẫn đến số lượng người nhập cư kỷ lục từ Trung Mỹ vượt biên qua miền nam nước Mỹ. Số lượng này đã tăng đột biến trong nhiệm kỳ của chính quyền Biden nhưng đã giảm trong những tháng gần đây.

Bà đã giúp huy động 3 tỷ đô la – phần lớn từ các công ty tư nhân – để tài trợ cho các khoản đầu tư khu vực, nhằm khuyến khích người dân ở lại quê hương của mình.

## NATO VÀ VIỆN TRỢ UKRAINE

Sự nghiệp của bà Harris lúc đầu tập trung chủ yếu vào các vấn đề trong nước và những vấn đề liên quan đến bang California, nhưng kể từ khi được bầu vào Thượng viện Hoa Kỳ, bà đã tham gia nhiều hơn vào chính sách đối ngoại.

Với vai trò phó tổng thống, bà đã gặp 150 nhà lãnh đạo thế giới và tới thăm 21 quốc gia.

Vào tháng 2 năm 2024, bà tham dự Hội nghị An ninh Munich, nơi bà phát biểu ủng hộ liên minh an ninh phương Tây NATO và lên án cuộc xâm lược của Nga vào Ukraine.

Bà Harris cam kết sẽ ủng hộ Ukraine “cho đến khi đạt được thành công” và đại diện cho Mỹ tại “hội nghị hòa bình” của Kyiv tổ chức ở Thụy Sĩ vào tháng 6 năm 2024.

Trong bài phát biểu tại hội nghị của Đảng Dân chủ, bà chia sẻ rằng bà đã cảnh báo Tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky về sự hung hăng của Nga năm ngày trước khi cuộc xâm lược xảy ra, và đã “giúp huy động phản ứng toàn cầu” khi chiến tranh bắt đầu.

Phó tổng thống cũng cam kết rằng nếu đắc cử, bà sẽ bác bỏ chính sách cô lập và đảm bảo rằng “Mỹ – chứ không phải Trung Quốc – sẽ chiến thắng trong cuộc cạnh tranh của thế kỷ 21.”

## CHIẾN TRANH ISRAEL – GAZA

Bà Harris từ lâu đã là người ủng hộ giải pháp hai nhà nước cho khu vực này và kêu gọi chấm dứt chiến tranh tại Gaza.

Trong bài phát biểu chấp nhận đề cử tại đại hội, bà cam kết rằng với tư cách là tổng thống, bà sẽ đảm bảo “Israel sẽ được an toàn, các con tin sẽ được giải cứu, đau khổ tại khu vực Gaza sẽ được chấm dứt và người dân Palestine có thể có quyền được sống trong nhân phẩm, an ninh, tự do và quyền tự quyết của họ.”

Với vai trò là phó tổng thống, bà là một trong những người đầu tiên trong chính quyền Biden kêu gọi “ngừng bắn ngay lập tức”, nêu rõ quan ngại về “thảm họa nhân đạo đối với người Palestine” và yêu cầu Israel chấm dứt xung đột.

Bà đã nêu rõ những vấn đề này trong các cuộc thảo luận mà bà mô tả là “thẳng thắn và mang tính xây dựng” với Thủ

tướng Israel Benjamin Netanyahu khi ông đến thăm Washington vào tháng 7.

Tuy nhiên, bà không ủng hộ việc áp đặt lệnh cấm vận vũ khí đối với Israel như một số người theo chủ nghĩa cánh tả ở Mỹ mong muốn.

Tại đại hội đảng, bà khẳng định sẽ “luôn ủng hộ quyền tự vệ của Israel.”

Bà cũng khẳng định sự ủng hộ đối với quốc gia này trong cuộc tranh luận với Trump, bà nói rằng “trong suốt sự nghiệp và cuộc đời mình, tôi luôn ủng hộ Israel và người dân Israel.”

Trong cuộc phỏng vấn trên CNN, bà Harris cho biết bà sẽ tập trung vào việc đạt được thỏa thuận ngừng bắn, giống như cách tiếp cận của Tổng thống Biden.

## CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

Trong giai đoạn đầu sự nghiệp, bà Harris đã ủng hộ mở rộng các chương trình chăm sóc sức khỏe được tài trợ bởi chính phủ, nhằm phục vụ người cao tuổi, thanh thiếu niên bị khuyết tật và người nghèo.

Điều này bao gồm việc ủng hộ chính sách Medicare-for-All, một chính sách tiến bộ nhằm khiến tất cả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe đều được chính phủ tài trợ. Tuy nhiên, bà sau đó đã giảm nhẹ sự ủng hộ đối với chính sách này.

Chiến dịch tranh cử của bà chia sẻ với BBC rằng nếu được bầu vào Nhà Trắng, bà sẽ không thúc đẩy một hệ thống thanh toán sức khỏe do chính phủ chi trả toàn bộ.



Dưới vai trò là phó tổng thống, Nhà Trắng đã đạt được một số thành tựu về chăm sóc sức khỏe. Họ đã giảm giá thuốc kê đơn, giới hạn giá insulin ở mức 35 đô la Mỹ, cho phép Medicare thương lượng giá thuốc và giới hạn chi phí tự chi trả trong bảo hiểm thuốc của Medicare.

Trong quá trình vận động tranh cử, bà cho biết bà muốn xóa hàng tỷ đô la nợ y tế cho người dân Mỹ và sẽ hợp tác với các bang về vấn đề này.

Chi tiết về việc đó vẫn còn hạn chế, nhưng khi còn là Tổng chưởng lý bang California, bà Harris đã thường xuyên sử dụng luật chống độc quyền để gây áp lực lên các công ty bảo hiểm, bệnh viện và hãng dược để giải quyết vấn đề về chi phí.

## TỘI PHẠM

Bà Harris bắt đầu sự nghiệp pháp lý của mình bằng truy tố các tội phạm lạm dụng trẻ em và tội phạm buôn bán tình dục, trước khi được bầu làm công tố viên quận San Francisco và sau đó là Tổng chưởng lý bang California.

Bà từng bị phe cánh tả theo chủ nghĩa tiến bộ chỉ trích vì tăng tỷ lệ kết án – đặc biệt là đối với tội phạm bạo lực – và đôi lúc bị gán cho cái mác là “cảnh sát,” mặc dù phe cánh hữu cũng cáo buộc bà mềm mỏng trong việc xử lý tội phạm. Bà Harris cũng tận dụng quá khứ làm công tố viên để tạo sự tương phản lớn với đối thủ của mình, người đã bị kết án 34 tội danh trong một vụ hối lộ nhằm tác động bất hợp pháp đến cuộc bầu cử năm 2016.

Trong bài phát biểu chấp nhận đề cử của Đảng Dân chủ, bà đã nhắc đến việc ông Trump bị kết tội và việc ông bị xác định phạm tội lạm dụng tình dục.

## LUẬT SÚNG ĐẠN

Bà Harris có lịch sử ủng hộ các quy định về an toàn súng đạn trong suốt sự nghiệp chính trị của mình. Khi còn là Tổng chưởng lý bang California, bà đã thành công trong việc bảo vệ các luật về súng của bang trước những thách thức pháp lý.

Với vai trò là phó tổng thống, bà đã giám sát Văn phòng Phòng chống Bạo lực Súng đạn của Nhà Trắng. Đầu năm nay, bà công bố các nguồn lực nhằm hỗ trợ thực thi luật “cờ đỏ,” nhằm từ chối quyền sở hữu súng đối với những người có khả năng gây hại cho bản thân hoặc người khác.

Bà cũng khuyến khích các bang tận dụng 750 triệu đô la từ quỹ liên bang mà chính quyền Biden-Harris đã cung cấp cho các chương trình can thiệp khủng hoảng.

Chính sách của bà bao gồm lệnh cấm vũ khí có sát thương cao và có băng đạn dung lượng lớn, cũng như yêu cầu phải kiểm tra lý lịch toàn diện.

Trong cuộc tranh luận, bà nhấn mạnh rằng cả bà và ứng viên phó tổng thống của bà, Tim Walz, đều là người sở hữu súng.

## KHÍ HẬU VÀ KHAI THÁC DẦU KHÍ

Là một công tố viên, bà Harris đã bảo vệ các luật về khí hậu của California và kiện các công ty dầu vì gây thiệt hại môi trường. Bà cũng kêu gọi các chính sách về biến đổi khí hậu thông qua “Green New Deal” trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2020 – một số trong đó đã được thực hiện dưới chính quyền hiện tại.

Trong một buổi gặp gỡ cử tri của CNN năm 2019, bà nói rằng “không có nghi ngờ gì, tôi ủng hộ việc cấm khai thác khí đá”,

một kỹ thuật để thu hồi khí và dầu từ đá phiến mà có thể gây hại cho môi trường.

Nhưng kể từ đó, bà đã thay đổi quan điểm. Trong cuộc tranh luận tổng thống, bà nói rằng bà đã bỏ phiếu quyết định để thông qua Đạo luật Giảm Lạm Phát – mở ra các hợp đồng thuê mới cho các công ty khai thác khí đá- bên cạnh việc chuyển hàng trăm tỷ đô la vào năng lượng tái tạo và các chương trình tín dụng thuế và hoàn thuế cho xe điện.

“Quan điểm của tôi là chúng ta phải đầu tư vào các nguồn năng lượng đa dạng để giảm sự phụ thuộc vào dầu mỏ nước ngoài,” bà nói.

Bà Harris cho biết bà sẽ bảo vệ đất công và sức khỏe cộng đồng, giảm chi phí năng lượng cho các hộ gia đình và buộc những kẻ gây ô nhiễm phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho không khí và nước phải sạch nếu được bầu vào tháng 11, theo bản kế hoạch chính sách của bà.

---

Nguồn: “Where Kamala Harris stands on 10 key issues, from immigration to guns”, BBC, 23/10/2024

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

# HARRIS LÀ ỦNG VIÊN CỦA TỰ DO

JOSEPH E. STIGLITZ



*Sự tương phản giữa Kamala Harris và Donald Trump về các quyền tự do cơ bản là rất rõ ràng. Trong mọi vấn đề lớn của cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, các đề xuất của Harris sẽ mở rộng các quyền tự do mà người Mỹ được hưởng với tư cách là người lao động, người tiêu dùng, bệnh nhân, doanh nhân tiềm năng và cá nhân, trong khi chương trình nghị sự của Trump sẽ làm điều ngược lại.*



NEW YORK – Kamala Harris đã đưa tự do trở thành chủ đề trọng tâm trong chiến dịch của mình. Dưới tiêu đề “Bảo vệ các quyền tự do cơ bản của chúng ta”, trang web của bà giải thích rằng: “Cuộc đấu tranh của Phó Tổng thống Harris cho tương lai của chúng ta cũng là cuộc đấu tranh cho tự do. Trong cuộc bầu cử này, nhiều quyền tự do cơ bản đang bị đe dọa: quyền tự do đưa ra quyết định về cơ thể của mình mà không có sự can thiệp của chính phủ; quyền tự do yêu người mình yêu một cách công khai và tự hào; và quyền tự do mở ra tất cả các quyền khác: quyền tự do bầu cử.”

Thông điệp này rất đáng hoan nghênh. Đã đến lúc những người cấp tiến ở Mỹ giành lại chương trình nghị sự về tự do từ tay những người theo chủ nghĩa tự do cá nhân và cánh hữu, nhất là khi phe cánh hữu hiện đang đại diện cho điều ngược lại. Trong khi nhiều người cánh hữu khoắc lên mình lá cờ, những người cấp tiến thực sự đang thúc đẩy một chương trình nghị sự về tự do đậm chất Mỹ.

Đưa vấn đề vào dưới góc nhìn của một nhà kinh tế học sẽ làm rõ hơn vấn đề. Thứ nhất, một phần thiết yếu của tự do là quyền tự do làm và hành động – để sống đúng với tiềm năng của bản thân. Những người sống trong cảnh túng thiếu hoặc cận kề bờ vực của đói nghèo không có tự do thực sự; họ phải làm những gì cần thiết để tồn tại.

Thứ hai, trong một xã hội mà ở đó các cá nhân phụ thuộc lẫn nhau, quyền tự do của một số người có thể dẫn đến việc mất tự do của những người khác. Như triết gia Oxford Isaiah Berlin từng nói, “tự do cho sói thường đồng nghĩa với cái chết cho cừu.” Việc tự do hóa tài chính trong những năm 1990 và 2000 – quyền tự do cho các ngân hàng – lẽ ra đã dẫn đến sự sụp đổ của nền kinh tế nếu chính phủ không can

thiệt; nhưng do sự can thiệp đó đã tổn hàng tỷ đô la từ tiền thuế của người dân, cuộc khủng hoảng vẫn làm giảm quyền tự do của những người nộp thuế, cũng như nhiều người lao động và chủ nhà.

Thứ ba, một chút cưỡng chế có thể thực sự mở rộng quyền tự do cho tất cả mọi người. Khi chúng ta làm việc cùng nhau, chúng ta có thể đạt được những điều mà một mình cá nhân không thể tự làm; nhưng để tránh vấn đề “kẻ ngồi không hưởng lợi” (free-rider), có thể cần có một số biện pháp bắt buộc.

Thứ tư, kinh tế học tân tự do đã mở rộng quyền tự do của các tập đoàn để trục lợi người khác, nhưng nó không dẫn đến sự thịnh vượng tổng thể, chứ chưa nói đến sự thịnh vượng được chia sẻ. Các lý thuyết kinh tế tốt đã dự báo điều này ngay từ trước khi tân tự do trở nên phổ biến trong thời kỳ Ronald Reagan và Margaret Thatcher. Hơn nữa, tân tự do thậm chí không bền vững, vì nó khuyến khích các đặc tính cá nhân và hành vi thị trường làm suy yếu chức năng của nền kinh tế.

Nền kinh tế vận hành dựa trên sự tin tưởng. Những người đoạt giải Nobel Kinh tế năm nay – Daron Acemoglu, Simon Johnson, và James A. Robinson – đã nhấn mạnh tầm quan trọng của các thể chế; nhưng ngay cả những thể chế tưởng chừng như tốt cũng không thể hoạt động hiệu quả khi những cá nhân ích kỷ, như Donald Trump, công khai vi phạm các quy chuẩn và thể hiện sự không trung thực cực đoan.

Thứ năm, trái với những tuyên bố của phe bảo thủ và những người theo chủ nghĩa tự do cá nhân như Milton Friedman và Friedrich Hayek, các thị trường không bị kiểm soát không phải lúc nào cũng cần thiết hay có lợi cho tự do chính trị. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy độc tài đã diễn ra rõ rệt nhất

ở các quốc gia nơi chính phủ đã làm quá ít (để giải quyết nghèo đói, bất bình đẳng, thiếu an ninh, v.v.), chứ không phải ở những nơi mà họ đã can thiệp quá nhiều.

Sự tương phản giữa Harris và Trump về các quyền tự do cơ bản – chẳng hạn như quyền của phụ nữ được kiểm soát cơ thể mình – là rất rõ ràng. Trong mọi vấn đề lớn của cuộc bầu cử này, Harris sẽ mở rộng các quyền tự do của người Mỹ, còn Trump sẽ hạn chế chúng. Trọng tâm trong chương trình nghị sự của Harris là cam kết hỗ trợ người dân Mỹ bình thường, thay vì quay lại với chính sách kinh tế nhỏ giọt (trickle-down economics) không còn được tin nhiệm mà Trump đã áp dụng trong nhiệm kỳ tổng thống của mình. Các đề xuất cắt giảm thuế của ông cho các tỷ phú và các tập đoàn lớn sẽ làm tăng nợ công lên khoảng 7,5 nghìn tỷ đô la trong vài năm tới, và gánh nặng này sẽ làm cho con cháu người Mỹ trở nên kém tự do hơn.

Trong khi sự gia tăng lạm phát toàn cầu sau đại dịch dường như đã được kiểm soát, người Mỹ vẫn quan ngại về giá thuốc men và nhà ở. Harris đã đề xuất các biện pháp để ngăn chặn tình trạng tăng giá quá mức, nhưng những đề xuất này đã bị hiểu sai một cách rộng rãi (và cố ý). Bà không đề nghị chính phủ liên bang thiết lập giá cả, và nhiều bang đã có luật chống tăng giá quá mức để ngăn chặn các công ty lợi dụng các tình huống đặc biệt như bão và lũ lụt. Trên thực tế, đại dịch đã cho thấy rằng các chính sách như vậy cần phải được tăng cường và thực thi.

Tương tự, Đạo luật Giảm Lạm phát (Inflation Reduction Act – IRA) đã có những điều khoản nhằm giảm giá dược phẩm như insulin – một loại thuốc thiết yếu (có từ thế kỷ trước) cho những người mắc bệnh tiểu đường – từ những mức giá rồ

ràng là quá cao. Tuy nhiên, Hoa Kỳ có thể làm nhiều hơn nữa để đưa giá thuốc xuống gần với mức ở châu Âu, nơi có luật pháp nghiêm ngặt hơn để chống lại việc lạm dụng quyền lực thị trường. Harris sẽ tìm cách thực hiện điều đó, trong khi Trump đã hứa sẽ dỡ bỏ Đạo luật IRA, từ đó sẽ làm tăng giá thuốc cho người Mỹ.

Trump cũng hứa sẽ tăng thuế quan – lên mức 100% đối với hàng hóa từ Trung Quốc – điều này chỉ đơn giản là làm tăng giá của quần áo, thiết bị gia dụng và nhiều hàng hóa khác mà người dân Mỹ bình thường mua sắm. Trên thực tế, toàn bộ chương trình kinh tế của ông tương đương với một loại thuế lũy thoái lớn đánh vào những người Mỹ có thu nhập thấp và trung bình. Quyền tự do của họ với tư cách là người tiêu dùng sẽ bị giảm, vì họ sẽ có ít tiền hơn để chi tiêu như mong muốn.

Hơn nữa, trong khi Harris đã công bố một kế hoạch toàn diện nhằm mở rộng nguồn cung nhà ở và giảm chi phí – cũng như tăng khả năng chi trả cho những người mua nhà lần đầu – Trump vẫn im lặng về vấn đề quan trọng này.

Cuối cùng, để hỗ trợ quyền tự do của người Mỹ trong việc phát huy tiềm năng của mình, chương trình của Harris bao gồm cả tâm nhin và một số bước đi cụ thể ban đầu nhằm mở rộng cơ hội, đặc biệt là trong lĩnh vực khởi nghiệp. Những biện pháp như vậy sẽ mang lại lợi ích cho những người mong muốn bắt đầu kinh doanh cũng như cho toàn bộ nền kinh tế.

Trump là một minh chứng sống cho sự từ chối tự do của phe cánh hữu. May mắn thay, Harris đang cho thấy hình ảnh những người cấp tiến nắm bắt và thúc đẩy giá trị cốt lõi này của nước Mỹ như thế nào.



Nguồn: Joseph E. Stiglitz, "Harris Is the Freedom Candidate", Project Syndicate, 21/10/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

# CUỘC BẦU CỬ MỸ VÀ KHỦNG HOẢNG CỦA NGƯỜI DA TRẮNG

EDOARDO CAMPANELLA



*Cuộc bầu cử tổng thống năm 2024 nên được xem như là một phần của cuộc xung đột chính trị dài hạn mà sẽ kết thúc bằng việc loại bỏ hoặc khôi phục hệ thống phân cấp chủng tộc lịch sử của quốc gia. Sự chuyển hướng của Đảng Cộng hòa về phía chủ nghĩa độc tài và việc theo đuổi sự cai trị của thiểu số không thể được hiểu theo bất kỳ cách nào khác.*



CAMBRIDGE – “Khủng hoảng dân chủ” ở các quốc gia phương Tây thường được cho là do sự gia tăng bất bình đẳng, sự suy giảm của tầng lớp trung lưu, và yếu tố chính trị liên quan đến vấn đề nhập cư hàng loạt. Tuy nhiên, còn một yếu tố quan trọng khác là nhân khẩu học, đặc biệt là ở Hoa Kỳ, nơi mà môi đe dọa đối với dân chủ liên quan đến những thay đổi ảnh hưởng đến cử tri da trắng. Hơn nữa, do xu hướng nhân khẩu học khó có thể đảo ngược, tình trạng rối loạn ngày càng tăng ở Mỹ có khả năng trở thành một yếu tố dai dẳng của chính trị toàn cầu trong một thời gian dài.

Đến năm 2044, người Mỹ da trắng sẽ chiếm 49,7% dân số Mỹ, giảm từ 70% ở thời điểm hiện tại và gần 90% vào thập niên 1960. Sự thay đổi này có thể gây ra những hệ quả to lớn về mặt chính trị và tâm lý. Lần đầu tiên trong lịch sử quốc gia, người Mỹ da trắng sẽ trở thành một nhóm thiểu số – ngay cả khi họ vẫn sẽ đông hơn người Mỹ gốc Phi, người Mỹ gốc Tây Ban Nha, và các nhóm khác. Ngay từ bây giờ, ảnh hưởng chính trị đang suy giảm của cử tri da trắng đã tạo ra một cảm giác mất mát về vị thế và bị gạt ra ngoài lề, điều này phần nào được phản ánh qua các cuộc khảo sát cho thấy gần 60% người theo Đảng Cộng hòa “cảm thấy như người lạ trên chính đất nước của mình.”

Trước bối cảnh này, cuộc bầu cử tổng thống năm 2024 nên được xem như là một phần của cuộc xung đột chính trị dài hạn, sẽ kết thúc bằng việc loại bỏ hoặc khôi phục hệ thống phân cấp chủng tộc lịch sử của quốc gia. Nói một cách đơn giản, đảng Dân chủ ngày nay ủng hộ ý tưởng về một nền dân chủ đa chủng tộc, trong khi đảng Cộng hòa muốn “làm cho nước Mỹ vĩ đại trở lại” bằng cách tái lập những yếu tố của chủ nghĩa thượng đẳng da trắng cũ.

Cuộc xung đột này đã tồn tại từ trước Donald Trump. Các ứng cử viên tổng thống của đảng Cộng hòa đã giành được đa số phiếu bầu của người da trắng trong mọi cuộc bầu cử kể từ năm 1964, năm mà Lyndon B. Johnson, một đảng viên Dân chủ, giành chiến thắng tại Nhà Trắng và ký ban hành Đạo luật về Quyền Bầu cử và Quyền Dân sự. Gần đây hơn, chiến thắng của Barack Obama vào năm 2008 đã trở thành một khoảnh khắc thức tỉnh cho cử tri da trắng, nhiều người trong số họ bắt đầu đối mặt với những hệ quả của sự thay đổi trong cơ cấu nhân khẩu học của quốc gia.

Sau khi Obama tái đắc cử vào năm 2012, Ủy ban Quốc gia Đảng Cộng hòa đã soạn thảo một báo cáo thừa nhận sự cần thiết trong việc tập trung nhiều hơn vào việc thu hút các nhóm thiểu số. Tuy nhiên, ở cấp độ bang, đảng Cộng hòa đã đi theo hướng ngược lại, nhấn mạnh vào việc thu hút cử tri da trắng thông qua các biện pháp hạn chế cử tri đi bầu và chỉnh sửa khu vực bầu cử dựa theo chủng tộc hòng chiếm ưu thế. Sau đó, vào năm 2016, Trump đã khai thác sự bất mãn của người da trắng để giành được đề cử của đảng Cộng hòa.

Một nhiệm kỳ tổng thống khác của Trump sẽ tăng cường cuộc chiến nhằm khôi phục lại hệ thống phân cấp về chủng tộc và chính trị có tính lịch sử của nước Mỹ, với các kế hoạch của Trump nhằm trục xuất hàng triệu người nhập cư không có giấy tờ. Nhưng ngay cả khi Trump thất bại, cuộc chiến này vẫn sẽ tiếp diễn. Chủ nghĩa Trump có khả năng tồn tại, vì tư tưởng “Làm nước Mỹ vĩ đại trở lại” hiện đã thấm nhuần vào một đảng Cộng hòa đã loại bỏ những người bảo thủ ôn hòa.

Có vẻ rằng sẽ rất mạo hiểm cho một đảng chính trị khi đặt cược tương lai của mình vào một nhóm nhân khẩu học có trọng lượng chính trị đang có xu hướng giảm – mặc dù sự

ủng hộ từ các cử tri không phải người da trắng đã tăng lên trong những năm gần đây (phản ánh thông điệp hiệu quả về việc phục hồi các lĩnh vực của nền kinh tế nơi các nhóm thiểu số cũng tìm được việc làm). Tuy nhiên, Hiến pháp Hoa Kỳ cung cấp một lời giải thích cho chiến lược này. Theo Steven Levitsky và Daniel Ziblatt của Đại học Harvard, hệ thống của Mỹ bao gồm một số thể chế có tính chống đa số nhằm đảm bảo sự ổn định, nhưng cũng có thể trao quyền cho một thiểu số chính trị.

Điều quan trọng trong cuộc bầu cử tổng thống, chẳng hạn, không phải là số phiếu phổ thông mà là Đại cử tri đoàn. Đó là cách mà Trump đã thắng vào năm 2016, mặc dù nhận được ít phiếu hơn đối thủ. Tương tự, mỗi bang được phân bổ hai ghế trong Thượng viện bất kể quy mô dân số của bang đó. Đến năm 2040, khoảng 70% người Mỹ sẽ sống ở chỉ 15 bang, trong khi 30% còn lại, chủ yếu là người da trắng và lớn tuổi hơn, sẽ bầu ra 70 thượng nghị sĩ.

Sự kết hợp giữa các xu hướng nhân khẩu học, một đảng Cộng hòa mang dấu ấn Trump, và các quy định hiến pháp chống đa số sẽ khiến nền dân chủ Mỹ trở nên rối loạn nghiêm trọng trong những năm tới. Dù nền tảng thể chế vững mạnh của nó có thể giúp Mỹ không rơi vào chủ nghĩa độc tài, quốc gia này dường như vẫn sẽ phải đối mặt với các giai đoạn căng thẳng chính trị và xung đột gia tăng.

Trong bối cảnh này, không hề quá xa vời khi tưởng tượng về những cuộc khủng hoảng hiến pháp liên quan đến chính phủ liên bang và các cơ quan lập pháp bang về việc quản lý các cuộc bầu cử và quyền bầu cử; hoặc giữa Quốc hội và một Tòa án Tối cao cực hữu về quyền dân sự; hoặc giữa Quốc hội và một tổng thống gây chia rẽ.

Không có giải pháp nhanh chóng nào cả. Bất kỳ sửa đổi hiến pháp nào nhằm loại bỏ Đại cử tri đoàn hoặc cải cách Thượng viện và Tòa án Tối cao (vốn không có giới hạn nhiệm kỳ cho các thẩm phán) đều sẽ bị bác bỏ ngay từ đầu, vì cần phải có siêu đa số trong cả hai viện Quốc hội và sự phê chuẩn của ba phần tư các bang. Liệu người Mỹ có thể hợp tác để hướng tới trung tâm và đẩy xa các nhóm cực hữu và cực tả không? Có vẻ như điều đó không khả thi trong thời gian tới.

Cuộc bầu cử năm nay sẽ không mang lại một kết quả nhị phân. Một chiến thắng cho Phó Tổng thống Kamala Harris sẽ không cứu vãn nền dân chủ Mỹ, và một chiến thắng cho Trump sẽ không đột nhiên giết chết nó. Thay vào đó, đây sẽ chỉ là một phần nữa trong cuộc xung đột nhân khẩu học kéo dài đã bắt đầu từ sáu thập kỷ trước và hiện không có dấu hiệu kết thúc.

---

Edoardo Campanella là Nghiên cứu viên cao cấp tại Mossavar-Rahmani Center for Business and Government thuộc Harvard Kennedy School, là đồng tác giả (cùng với Marta Dassù) của cuốn sách “Anglo Nostalgia: The Politics of Emotion in a Fractured West” (Nỗi Nhớ Văn Hoá Anh: “Chính Trị Của Cảm Xúc Trong Một Tây Phương Bị Phân Mảnh” (Nhà xuất bản Oxford, 2019).

Nguồn: Edoardo Campanella, “[The US Election and the Crisis of Whiteness](#)”, *Project Syndicate*, 24/10/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

# TẠI SAO NHIỀU CÔNG NHÂN HIỆN NAY LẠI BỎ PHIẾU CHO ĐẢNG CỘNG HÒA

ERIC POSNER



*Mặc dù đảng Cộng hòa luôn thúc đẩy các chính sách tự do kinh tế mạnh mẽ hơn so với đảng Dân chủ, nhưng cuối cùng đảng Dân chủ cũng đã chấp nhận cùng một thế giới quan, và sự thay đổi đó giờ đã quay lại gây khó khăn cho họ. Vấn đề không nằm chủ yếu ở kinh tế mà ở một tập hợp giả định sai lầm về công nhân và thị trường lao động.*



CHICAGO – Một đặc điểm nổi bật của chính trị Mỹ hiện nay là giới “công nhân” — tức là những người không phải chuyên gia, thường là lao động tay chân hoặc nhân viên văn phòng — rời khỏi đảng Dân chủ. Trong nhiều thập kỷ sau Thỏa thuận Mới (New Deal), đảng Dân chủ là đảng ủng hộ công đoàn, an toàn lao động và mức lương tối thiểu, trong khi đảng Cộng hòa là những người ủng hộ doanh nghiệp.

Tuy nhiên, theo Gallup, tỷ lệ đảng viên Cộng hòa xác định là “công nhân” hoặc “hạ lưu” đã tăng từ 27% vào năm 2002 lên 46% hiện nay, trong khi tỷ lệ công nhân thuộc đảng Dân chủ giảm nhẹ (từ 37% xuống 35%). Hơn nữa, trong khi 46% cử tri da trắng trong các hộ gia đình thuộc công đoàn ủng hộ đảng Dân chủ vào năm 1968, thì tỷ lệ này đã giảm xuống khoảng 33% vào năm 2020, gần bằng với đảng Cộng hòa. Kể từ những năm 1990, người dân ở những khu vực nghèo ngày càng ưa chuộng đảng Cộng hòa hơn đảng Dân chủ.

Giải thích thường thấy cho sự thay đổi này là sự trỗi dậy của “chủ nghĩa tự do kinh tế” (neoliberalism): hệ tư tưởng ủng hộ thị trường chiếm ưu thế trong các vòng chính sách từ những năm 1980 đến đầu những năm 2000. Các nhà tự do kinh tế đã thúc đẩy việc bãi bỏ quy định và toàn cầu hóa thông qua việc hỗ trợ thương mại tự do, dòng vốn không hạn chế và di cư tối đa. Mặc dù đảng Cộng hòa thúc đẩy các chính sách tự do kinh tế mạnh mẽ hơn nhiều so với đảng Dân chủ, nhưng cuối cùng đảng Dân chủ cũng đã chấp nhận chúng. Khi hai đảng không còn khác biệt nhiều về chính sách kinh tế thì công nhân đã quay sang ủng hộ đảng Cộng hòa, vì những người của đảng Cộng hòa thường nhạy cảm hơn với các mối quan tâm tôn giáo và đạo đức của giới công nhân và đặc biệt là sự thù địch với nhập cư.



Một số người đổ lỗi cho các lãnh đạo đảng Dân chủ vì đã quá phụ thuộc vào các nhà kinh tế. Nhưng chính bản thân khoa học kinh tế không phải là vấn đề. Chấn đoán chính xác hơn là các chính sách tự do kinh tế phản ánh những giả định kỳ lạ được đưa ra bởi một nhóm các nhà kinh tế có ảnh hưởng đặc biệt, ngay cả khi những người quan sát khác, ngay cả trong lĩnh vực kinh tế, luôn nhận ra những thiếu sót trong cách tiếp cận của họ.

Chẳng hạn, một giả định của chủ nghĩa tự do kinh tế là thị trường lao động gần như luôn cạnh tranh. Quan điểm này có những tác động chính trị sâu rộng, bởi vì chi phí của các chính sách tự do kinh tế như thương mại tự do tập trung vào những công nhân trong các ngành bị ảnh hưởng bởi thương mại. Cho đến gần đây, người ta vẫn cho rằng chi phí đối với những công nhân này sẽ là không đáng kể. Những công nhân không có tay nghề sẽ tìm được việc làm mới với mức lương tương tự, và trong khi những công nhân có tay nghề cao hơn có thể chịu một số tổn thất, họ có thể sử dụng kỹ năng của mình trong các ngành khác hoặc tham gia các khóa đào tạo vốn được chính phủ hỗ trợ một phần.

Thay vào đó, các nghiên cứu gần đây xác nhận điều mà nhiều người không phải là nhà kinh tế sẽ gọi là điều hiển nhiên: mất việc làm là một trải nghiệm tài chính và tâm lý tàn phá. Thị trường lao động, khác với hầu hết các thị trường sản phẩm, là thị trường địa phương. Người dân không đơn giản là bỏ quê nhà và đi tìm việc làm ở nơi khác; và công việc quan trọng hơn nhiều đối với con người so với hàng hóa hoặc dịch vụ. Việc đóng cửa một nhà máy ở một cộng đồng nhỏ có thể phá hủy cả cộng đồng đó, chứ không chỉ là sinh kế của những nhân viên ở đó.

Một giả định liên quan là các chính sách nên được áp dụng nếu chúng vượt qua bài kiểm tra chi phí-lợi ích. Nhưng mặc dù phân tích chi phí-lợi ích là một công cụ thiết yếu để đánh giá chính sách, nó là một hướng dẫn kém khi được sử dụng một cách cứng nhắc. Kể từ những năm 1980, các nhà lập pháp tại các cơ quan như Cơ quan Bảo vệ Môi trường phải tiến hành phân tích chi phí-lợi ích mỗi khi ban hành quy định, và những phép tính này gần như luôn bỏ qua tác động đến việc làm.

Chẳng hạn, một quy định có ý định tốt nhằm giảm ô nhiễm sẽ xem xét lợi ích sức khỏe cho công dân và chi phí tuân thủ của các doanh nghiệp gây ô nhiễm, nhưng không tính đến tác động đối với những công nhân sẽ mất việc do sự thay đổi chính sách. Sự bỏ qua này cũng có thể xuất phát từ giả định sai lầm rằng thị trường lao động luôn cạnh tranh, và rằng công nhân luôn có thể chuyển từ công việc này sang công việc khác với chi phí thấp.

Giả định tương tự cũng dẫn đến việc đảng Dân chủ giảm bớt ủng hộ cho các công đoàn. Trong những ngày xưa, công đoàn được coi là những người bảo vệ giai cấp công nhân. Đối với tư duy của những người theo chủ nghĩa tự do kinh tế, điều đó là không thể. Nếu thị trường lao động cạnh tranh, thì các khoản lương cao mà công đoàn đạt được chỉ có thể làm tăng giá tiêu dùng và giảm sản lượng kinh tế. Ngày nay, giá trị của công đoàn đang được xem xét lại. Khi các nhà tuyển dụng có quyền lực trên thị trường, công đoàn có thể là phương tiện tốt nhất để cải thiện phúc lợi cho công nhân mà không làm suy giảm hiệu quả kinh tế.

Khoa học kinh tế đã bị tổn hại nặng nề bởi vai trò nổi bật của nó trong sự trỗi dậy của chủ nghĩa tự do kinh tế. Sự trớ trêu

là giới kinh tế học hàn lâm chưa bao giờ ủng hộ phân tích chi phí-lợi ích, bởi vì không có cơ sở trung lập hoặc khoa học nào để biện minh cho các chính sách mang lại lợi ích cho một số người và gây hại cho những người khác. Cuộc tìm kiếm tiêu chí trung lập kéo dài đã tắt ngúm vào những năm 1970 khi các nhà kinh tế nhận ra rằng tiêu chí để đánh giá chính sách dựa trên những nguyên tắc đạo đức, chứ không phải kinh tế. Các tài liệu kinh tế được bình duyệt kể từ đó hiếm khi cho phép các lập luận mang tính chuẩn mực, vì điều này sẽ làm suy yếu tham vọng khoa học của ngành.

Tuy nhiên, các nhà kinh tế thường (và thường không suy nghĩ) dựa vào phân tích chi phí-lợi ích khi đề xuất chính sách, và vì công chúng cũng như các chính trị gia không phân biệt giữa tranh luận “học thuật” và tranh luận “chính sách”, nên các thất bại trong chính sách đã làm giảm uy tín của các nhà kinh tế một cách rộng rãi hơn. Những diễn biến này đã nuôi dưỡng sự hoài nghi của công chúng đối với các chuyên gia và nhà kỹ trị thuộc đủ mọi loại.

Chắc chắn rằng, trong suốt phần lớn thời kỳ tự do kinh tế, nhiều nhà kinh tế nổi bật đã nhận ra sự cứng nhắc và thiếu cạnh tranh của thị trường lao động. Tuy nhiên, chỉ gần đây họ mới bắt đầu có tiến bộ chống lại giả định rằng thị trường lao động là cạnh tranh. Người ta có thể nghi ngờ rằng những thất bại sắp xảy ra được quy kết cho chủ nghĩa tự do kinh tế – bất bình đẳng gia tăng, sự tàn phá của các vùng nông thôn, phân cực chính trị, và bất ổn tài chính – cuối cùng đã đưa các quan điểm bất đồng đến với các nhà làm chính sách.

Có một sự trớ trêu đau lòng đối với đảng Dân chủ, những người không bao giờ có ý định từ bỏ công nhân và luôn tin rằng các chính sách tự do kinh tế sẽ giúp giới công nhân

bằng cách giảm giá cả và tăng trưởng kinh tế. Giờ đây, mặc dù đảng Cộng hòa đã làm rất ít cho công nhân, nhưng cử tri thuộc giai cấp công nhân ngày càng cho rằng đảng Dân chủ không quan tâm đến họ, rằng nó đã trở thành đảng của giới tinh hoa – tức là, cũng giống như đảng Cộng hòa.

---

Eric Posner, giáo sư tại Trường Luật Đại học Chicago, là tác giả của cuốn sách “How Antitrust Failed Workers” (Nhà xuất bản Oxford, 2021).

Nguồn: Eric Posner, “Why Many Workers Now Vote Republican”, *Project Syndicate*, 20/10/2024

Bên dịch: Phong trào Duy Tân.

# TRUMP HAY HARRIS ĐẮC CỬ SẼ TỐT HƠN CHO TRUNG QUỐC?

THIỆU THIỆN BA



*Các học giả và giới nghiên cứu think tank Trung Quốc có những ý kiến rất khác nhau về việc ai sẽ giành chiến thắng. Nhưng có một quan điểm vô cùng phổ biến cho rằng, kết quả của cuộc bầu cử này, tức là dù Trump hay Harris đắc cử, đều sẽ không có sự khác biệt lớn về tác động đối với Trung Quốc.*



Cuộc bầu cử tổng thống Mỹ thu hút sự chú ý của toàn cầu sẽ diễn ra vào thứ Ba tuần sau, ngày 5/11. Việc bỏ phiếu sớm đã bắt đầu ở một số bang và nhận được sự hưởng ứng nhiệt liệt của cử tri trên khắp nước Mỹ, với số người đi bỏ phiếu sớm lên đến hàng chục triệu người.

Cuộc cạnh tranh giữa hai ứng cử viên đang diễn ra vô cùng khốc liệt, phần lớn cử tri đều đã có quyết định của riêng mình vào giai đoạn cuối cùng này. Do vậy, cả hai bên đều đang tập trung kích lệ người ủng hộ đi bỏ phiếu, đồng thời dùng những nỗ lực cuối cùng để giành được sự ủng hộ của cử tri trung lập ở một số bang dao động. Kết quả bỏ phiếu ở 7 bang dao động này sẽ quyết định Trump hay Harris sẽ là người chiến thắng.

Nhìn chung, các cuộc thăm dò hiện nay cho thấy mức độ ủng hộ giữa hai bên là rất sát sao. Ước tính cho thấy, tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu trong cuộc bầu cử này sẽ rất cao. Mấu chốt mang tính quyết định có khả năng sẽ nằm ở sự chênh lệch vài chục nghìn, thậm chí vài nghìn phiếu bầu của một bang.

Các học giả và giới nghiên cứu think tank Trung Quốc có những ý kiến rất khác nhau về việc ai sẽ giành chiến thắng. Nhưng có một quan điểm vô cùng phổ biến cho rằng, kết quả của cuộc bầu cử này, tức là dù Trump hay Harris đắc cử, đều sẽ không có sự khác biệt lớn về tác động đối với Trung Quốc. Nhiều nhà quan sát nước ngoài cũng có quan điểm tương tự.

Tuy nhiên, tôi cho rằng quan điểm này có chút sai lệch và về cơ bản là không chính xác. Nhận định như vậy có thể đúng ở một mức độ nào đó, nhưng trong một số vấn đề và phạm trù cụ thể, những kết quả khác nhau của cuộc bầu cử sẽ dẫn đến những hậu quả rất khác nhau, và những khác biệt này rất quan trọng đối với Trung Quốc. Ở đây, chúng tôi sẽ tiến hành

phân tích và đánh giá ở một số cấp độ và phạm trù khác nhau về những tác động mà kết quả của cuộc bầu cử sẽ mang lại cho Trung Quốc.

Giữa Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ, giữa Trump và Harris tồn tại những khác biệt trong cách họ nhìn nhận Trung Quốc, nhưng điểm chung giữa họ vẫn là khía cạnh chủ yếu. Cả hai bên có điểm chung là đều coi Trung Quốc là đối thủ số một, cần cố gắng hết sức để kiềm chế và làm chậm sự phát triển của Trung Quốc và không để Trung Quốc vượt qua Mỹ. Trước sự trỗi dậy của Trung Quốc, giới lãnh đạo Mỹ phải nỗ lực kìm hãm đà phát triển của Trung Quốc trong khoảng 10 năm tới, đồng thời tận dụng khoảng thời gian này để củng cố sức mạnh của chính mình.

Điều này đã trở thành quan điểm tương đối nhất quán trong giới tinh anh và không ít người dân Mỹ. Vì vậy, dù ai được bầu làm tổng thống Mỹ thì Trung Quốc cũng sẽ không có những ngày tháng dễ dàng, đây là một quan điểm phổ biến. Tuy nhiên, giữa hai ứng cử viên tồn tại một số khác biệt đối với sự đồng thuận cơ bản này, bởi họ có quan điểm khác nhau về tình hình và vai trò của nước Mỹ trên trường quốc tế, khác biệt về cách thức và thái độ xử lý giữa họ thậm chí còn lớn hơn nữa.

Điểm khác biệt cơ bản nhất giữa hai bên là nếu Harris đắc cử, bà nhìn chung sẽ tiếp tục chiến lược Trung Quốc của chính quyền Biden, khả năng thay đổi là rất nhỏ. Ngay cả khi có sự điều chỉnh thì mức độ cũng sẽ hạn chế, cục diện và tình hình quan hệ Trung-Mỹ sẽ tương đối rõ ràng. Tuy nhiên, nếu Trump đắc cử, dù phương hướng và mục tiêu của Mỹ đối với Trung Quốc sẽ không thay đổi nhưng những chuyển biến về

phương tiện và cường độ chính sách sẽ lớn hơn và khó dự đoán hơn.

Cả hai đảng đều coi Trung Quốc là địch thủ số một của mình. Tuy nhiên, ở bề ngoài, Đảng Dân chủ được thúc đẩy bởi hệ tư tưởng nhiều hơn, họ cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ thách thức các giá trị của Mỹ và phương Tây, đồng thời làm lung lay sự lãnh đạo của Mỹ và trật tự quốc tế do Mỹ và phương Tây thiết lập. Do đó, họ cho rằng bản chất của cuộc cạnh tranh giữa Trung Quốc và Mỹ chủ yếu là sự cạnh tranh giữa hai chế độ, mô hình và giá trị quan.

Trong nhiệm kỳ 4 năm của mình, Biden đã xây dựng một loạt chiến lược dựa trên lối tư duy này, cũng như tập hợp các đồng minh của Mỹ dựa trên cơ sở này để ngăn Trung Quốc phát triển hơn nữa trong các lĩnh vực công nghệ cao, quân sự và liên kết kinh tế then chốt. Nếu đắc cử, Harris nhìn chung sẽ tiếp tục tiến lên theo hướng này.

Về phía Đảng Cộng hòa, chủ yếu đề cập đến Trump, thì dựa nhiều hơn vào lợi ích thực tế và cho rằng Trung Quốc đạt được sự phát triển bằng cách làm tổn hại đến lợi ích kinh tế của Mỹ (cái gọi là “ăn cắp” quyền sở hữu trí tuệ và các phương thức thương mại “không công bằng”) và về lâu dài sẽ làm lung lay vị thế lãnh đạo của Mỹ, vậy nên cần kiên chế thế lực này và bảo vệ lợi ích của nước Mỹ.

Nếu đắc cử, Trump sẽ tập trung vào các biện pháp tương đối thiết thực như kinh tế, thương mại và thuế quan, với mục tiêu là đưa một số ngành có tác động quan trọng đến tăng trưởng kinh tế, việc làm và thuế quan trở lại nước Mỹ. Trump đã thực hiện cách tiếp cận này trong nhiệm kỳ tổng thống trước đây của mình và chủ trương mà ông thúc đẩy trong cuộc bầu cử lần này về cơ bản cũng tương tự như vậy.



Mặc dù cả Trump và Harris đều coi Trung Quốc là kẻ địch số một, nhưng do hai bên có quan điểm và nguyên tắc làm việc khác nhau, nên đối với Trung Quốc, việc đối phó với Harris có lẽ sẽ dễ hơn so với Trump. Ở một góc độ khác, đối với Trung Quốc, khả năng tìm kiếm sự thỏa hiệp nơi Harris tương đối nhỏ, trong khi việc mặc cả ngã giá với Trump có khả năng lớn hơn, bởi Trump tự cho rằng bản thân là một doanh nhân rất thông minh và giỏi mua bán, chuyện gì cũng có thể thương lượng được. Nói cách khác, đối phó với Harris có lẽ sẽ khó khăn hơn đối phó với Trump. Đây là nhận định cơ bản của chúng tôi. Tất nhiên, chúng ta không nên bỏ qua tính cách hay thay đổi, nhẹ tính nguyên tắc và có xu hướng cực đoan của Trump. Rất khó dự đoán Trump sẽ tung ra những biện pháp cụ thể nào để kiềm chế Trung Quốc.

Nếu Trump đắc cử, yếu tố có lợi hơn cho Trung Quốc sẽ là những thay đổi có thể xảy ra trong cách thức xử lý quan hệ quốc tế của Mỹ. Những khẩu hiệu tranh cử của Trump như “Nước Mỹ trên hết” và “Làm cho nước Mỹ vĩ đại trở lại” không có nhiều ý nghĩa khi hiểu theo nghĩa đen, xét cho cùng thì bất kỳ tổng thống Mỹ nào cũng sẽ đặt lợi ích của nước Mỹ lên hàng đầu và lên trên mọi cân nhắc khác. Nhưng trên thực tế, ý nghĩa thực sự của những khẩu hiệu này là về sự thu hẹp và chủ nghĩa biệt lập. Điều Trump thực sự muốn làm là thu hẹp và giảm bớt gánh nặng cùng trách nhiệm toàn cầu của Mỹ, đồng thời dồn sự tập trung và trọng điểm chính sách vào nội bộ nước Mỹ.

Đồng thời, Trump cho rằng việc Mỹ can dự vào nhiều khu vực khác nhau trên thế giới là một món kinh doanh thua lỗ, Mỹ bị người ta lôi kéo, lợi dụng và đó là gánh nặng đối với nước này. Ông cho rằng quan hệ giữa Mỹ với các đồng minh là

không công bằng và làm tổn hại đến sự phát triển của chính nước Mỹ.

Đây là điểm khác biệt quan trọng giữa Trump và Harris trong quan hệ quốc tế, dù có không ít người trong Đảng Cộng hòa không có chung quan điểm với Trump. Trên thực tế, Trump đã thừa nhận rằng sức mạnh quốc gia hiện tại của Mỹ còn hạn chế và đã cố gắng thu hẹp trách nhiệm toàn cầu và giảm bớt gánh nặng của Mỹ, đồng thời yêu cầu các đồng minh như NATO, Nhật Bản và Hàn Quốc tăng cường đầu tư quốc phòng và mang lại nhiều lợi ích hơn cho Mỹ để bù đắp những gì Mỹ đã bỏ ra.

Tuy nhiên, làm vậy sẽ gia tăng xung đột và khác biệt, đồng thời làm suy yếu sự đoàn kết và hợp tác giữa Mỹ và các nước đồng minh. EU đã thành lập một ủy ban đặc biệt để ứng phó với những thay đổi lớn có thể xảy ra này. Những nỗ lực của Biden trong việc lôi kéo các đồng minh để kiềm chế Trung Quốc cũng sẽ vì thế mà thất bại, điều này sẽ giúp Trung Quốc có thêm cơ hội để cải thiện quan hệ với châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Việc Trump đắc cử sẽ gây ảnh hưởng tới các đồng minh và đối tác, trước hết là châu Âu, sau đó là Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan. Điều đứng trước đầu sóng ngọn gió là cuộc chiến giữa Nga và Ukraine. Trump đã nói rõ trong chiến dịch tranh cử rằng nếu đắc cử, ông sẽ kết thúc cuộc chiến càng sớm càng tốt. Với tư cách là nước ủng hộ lớn nhất cho cuộc chiến này, Mỹ hoàn toàn có khả năng đình chỉ nó. Động thái này sẽ tạo ra đả kích rất lớn đến Tây Âu và ảnh hưởng nghiêm trọng đến mối quan hệ giữa Mỹ và châu Âu.

Đối với khu vực Trung Đông, do ảnh hưởng của các thế lực Do Thái ở Mỹ nên chính sách của Trump đối với Israel sẽ

không có nhiều thay đổi. Dù Trump hay Harris đắc cử, đây sẽ là điểm khác biệt lớn nhất và quan trọng nhất trong sự tác động đến Trung Quốc. Bởi nếu mối quan hệ giữa Mỹ với các đồng minh nói trên xấu đi, các nước này sẽ cần phải đánh giá lại mối quan hệ của mình với Mỹ cũng như vị thế của chính họ trong quan hệ quốc tế. Đây sẽ là cơ hội tuyệt vời để Trung Quốc giải quyết và làm dịu nhiều vấn đề giữa mình với các nước này.

Nếu Trump đắc cử, cộng thêm mối quan hệ cá nhân với Putin mà ông từng khoe, quan hệ giữa Mỹ, Nga và Triều Tiên cũng sẽ thay đổi và hướng tới sự hòa hảo, thậm chí là chuyển biến theo hướng tốt đẹp hơn. Có thể sẽ xuất hiện những cải thiện mang tính căn bản trong quan hệ Mỹ - Nga. Còn nếu Harris đắc cử thì tình huống này tuyệt đối sẽ không thể xảy ra.

Một số người ở Mỹ, chẳng hạn như giáo sư Mearsheimer của Đại học Chicago, cho rằng Trung Quốc là mối đe dọa lớn nhất đối với Mỹ, Mỹ nên hợp lực với Nga để đối phó với Trung Quốc chứ không nên đối địch với Nga. Vì vậy, có ý kiến cho rằng nếu Trump đắc cử, mối quan hệ giữa Mỹ và Nga sẽ có những thay đổi căn bản, Mỹ và Nga sẽ bắt tay nhau để đối phó với Trung Quốc.

Nhưng tôi không nghĩ điều này sẽ xảy ra, bởi sau khi trải qua sự thất hứa và tiến trình mở rộng mạnh mẽ về phía Đông của NATO cùng cuộc chiến ở Ukraine, Nga đã không còn gửi gắm hy vọng chân thành vào việc trở lại phương Tây, đặc biệt là trở lại vòng tay của Mỹ nữa. Cho dù Mỹ và Nga có bình thường hóa quan hệ thì xét cho cùng, quan hệ Trung-Nga sau sự phát triển trong mấy năm qua cũng sẽ không xảy ra bước thụt lùi quá lớn. Putin không ngốc đến vậy và ông cũng không phải kẻ thiên cận.

Đôi với vấn đề Đài Loan – vấn đề mà chúng ta hết sức quan tâm, những khác biệt về quan điểm, chính sách giữa Harris và Trump ngày càng rõ ràng và có tác động lớn hơn đến chúng ta.

Chính quyền Biden rất coi trọng vai trò chiến lược của chuỗi đảo thứ nhất ở Thái Bình Dương, cũng như những tác động tiêu cực đối với vị thế địa chính trị và uy tín của Mỹ ở Đông Á nếu vị thế của Đài Loan thay đổi. Các nghị sĩ Đảng Dân chủ cũng rất thích dùng Đài Loan để khiêu khích Trung Quốc. Nếu Harris đắc cử, những chính sách này sẽ được tiếp tục.

Tuy nhiên, Trump hoàn toàn không nhìn nhận sự việc theo cách đó. Trump từng phát biểu, Đài Loan không liên quan đến các lợi ích cơ bản của nước Mỹ và ông không coi trọng vai trò địa chính trị của Đài Loan, điều này phù hợp với quan điểm cá nhân của ông về quan hệ quốc tế. Trump thậm chí còn cho rằng, Đài Loan đã đánh cắp công nghệ chip của Mỹ mà vẫn cần đến sự bảo vệ của Mỹ, vậy thì Đài Loan phải trả thêm phí bảo vệ. Điều này phản ánh rằng, thái độ của Trump hoàn toàn trái ngược với quan điểm của Đảng Dân chủ về chính sách Đài Loan.

Nếu đắc cử, Trump sẽ xuất phát từ những lợi ích thiết thực trước mắt và ngắn hạn, một mặt sẽ yêu cầu Đài Loan mua thêm vũ khí, mặt khác sẽ coi Đài Loan là một quân cờ để đàm phán với Trung Quốc. Vì vậy, những hành động khiêu khích trong vấn đề “Đài Loan độc lập” cũng sẽ bị kiềm chế phần nào. Những thay đổi tương tự sẽ xảy ra đối với Philippines và do đó, cục diện căng thẳng trên Biển Đông sẽ giảm bớt.

Ngoài ra, vì nhiều lý do khác nhau, bất kể ai chiếm giữ Nhà Trắng trong chính quyền tiếp theo của Mỹ, thì các quan chức

và thuộc cấp chủ chốt của người đó cũng sẽ là những nhân tố quan trọng, thậm chí then chốt, trong việc ra quyết sách.

Đối với Trump, ông có những chủ kiến mạnh mẽ, nhưng nhiều trong số đó dựa trên nhận thức đơn giản và phản ứng cảm xúc, các đối sách cũng chủ yếu được đưa ra dựa trên trực giác, điều này chắc chắn sẽ dẫn đến sự kiểm soát và can ngăn từ các thuộc cấp của ông. Dù là người chủ quan đến mấy thì Trump vẫn dành sự tôn trọng nhất định cho thuộc cấp của mình và sẽ tôn trọng ý kiến của họ trong nhiều vấn đề.

Đối với Harris, có thể thấy rõ từ chiến dịch tranh cử rằng bà là người thiếu nội hàm, thiếu chiều sâu và chỉ đưa ra một vài nguyên tắc, quan điểm “cánh tả trắng” (white left) về chính sách. Một Nhà Trắng dưới thời Harris trên thực tế sẽ là một Nhà Trắng nằm dưới ảnh hưởng của các quan chức và thuộc cấp của bà. Tất nhiên, Harris vẫn có quyền quyết định tuyệt đối về việc ai sẽ là thuộc cấp của mình.

Ở cấp độ các vấn đề cơ bản trong quan hệ Trung-Mỹ và bản chất của mâu thuẫn giữa hai bên, sẽ không có sự khác biệt quá lớn dù ai là người đắc cử. Nhưng đối với một số vấn đề cụ thể, dù là vấn đề khu vực, địa chính trị hay cục diện quan hệ quốc tế, đặc biệt là vấn đề Đài Loan mà chúng ta đặc biệt coi trọng, do hai bên có nguyên tắc làm việc cơ bản khác nhau nên sẽ có sự khác biệt lớn. Việc hiểu rõ những khác biệt này là điều vô cùng quan trọng đối với chúng ta. Thế giới bên ngoài khó có thể tác động đến kết quả của cuộc bầu cử ở Mỹ, nhưng cần có sự chuẩn bị sớm để ứng phó với những tác động mà kết quả này có thể mang lại.

Nguồn: Shiu Sin-por (Thiệu Thiện Ba), 邵善波: 谁当选美国总统对中国都一样? 咱们还是不能大意, GuanCha, 31/10/2024.

Biên dịch: Lê Thị Thanh Loan

Bản tiếng Việt của Nghiên cứu Quốc tế.

# TỔNG THỐNG MỸ VÀ CHIẾN TRANH LẠNH 2.0

NGUYỄN HUY VŨ



*Hôm nay nước Mỹ bầu một tổng thống mới. Dù có khác biệt về chính sách đối nội, các nhà quan sát đều đồng thuận chung một quan điểm rằng cả hai tổng thống và cả hai đảng của Hoa Kỳ đều xem Trung Quốc là một thách thức về an ninh và vị thế chính trị của mình.*



Sự sụp đổ của Liên Xô đã mở đường cho một thời kỳ hoà bình trên các tuyến đường hàng hải quốc tế. Từ trước đó, Trung Quốc dưới thời Đặng Tiểu Bình đã chấp nhận vị thế của Hoa Kỳ như là một lực lượng giám sát an ninh hàng hải quốc tế trong sách lược “ăn mình chờ thời”. Cùng với sự xuất hiện của Internet và các công nghệ đóng tàu mới giúp đưa chi phí viễn thông và vận tải giảm xuống, giao thương đã nhanh chóng tăng vọt, mở đường cho một thời kỳ mới: toàn cầu hoá.

Với toàn cầu hoá, các hãng xưởng của Hoa Kỳ sẽ chuyển những phần việc tay chân giản đơn sang các nước có ưu điểm về lao động như Trung Quốc để sản xuất và Hoa Kỳ sẽ chỉ tập trung vào những lĩnh vực đòi hỏi nhiều chất xám. Như lý thuyết lợi thế so sánh tương đối của Ricardo, điều này sẽ giúp tạo ra sự phồn thịnh chung của thế giới khi hàng hoá sản xuất ra sẽ nhiều hơn và giá sẽ rẻ hơn.

Sự sụp đổ của đế chế Liên Xô đã khiến các học giả hân hoan rằng điểm tận của lịch sử rồi sẽ đến mà ở đó các nước sẽ hội tụ về một điểm chung là một hệ thống dân chủ. Không phải là họ không có lý khi thấy rằng mô hình kinh tế chính trị tập trung đã không hoạt động được ở Liên Xô. Và trong lý luận của họ, việc chấp nhận mô hình kinh tế chính trị kiểu tư bản sẽ cuối cùng hình thành nên một tầng lớp tư sản, những người muốn có một tiếng nói trong các quyết định ảnh hưởng đến quốc gia và quyền lợi của mình, và để dung hoà các quyền lợi khác nhau, chỉ có thể chế dân chủ mới đáp ứng được.

Sự lớn mạnh của Trung Quốc với một mô hình khác đã khiến các lý thuyết gia phải tìm một câu trả lời khác.



Về mặt tổng thể, Trung Quốc để cho các hoạt động kinh tế được phép tự do trao đổi hàng hoá. Điều này giúp giải quyết bài toán giá cả và đáp ứng hệ thống cung cầu, điều mà các hệ thống kinh tế tập trung trong các mô hình xã hội chủ nghĩa đã mắc phải và tạo nên khủng hoảng kinh tế.

Bên cạnh đó, Trung Quốc áp dụng một cách có chọn lọc hệ thống kinh tế kế hoạch. Giới lãnh đạo Trung Quốc chọn ra một số lĩnh vực quan trọng và lên kế hoạch tập trung đầu tư vào đó với mục đích sở đắc công nghệ, vươn lên cạnh tranh để trở thành một cường quốc trong lĩnh vực đó, và thông qua nó nắm một thị phần đáng kể trên trường quốc tế.

Trung Quốc thực hiện điều đó nhờ một phần ở hệ thống chính trị tản quyền có kiểm soát. Các tỉnh, có sức mạnh tương tự như một bang ở Hoa Kỳ, được giao nhiệm vụ chính trị bảo đảm kinh tế cho khu vực của mình và thực hiện các chiến lược được giao như phát triển những công nghệ chiến lược. Giới lãnh đạo các tỉnh sẽ cạnh tranh với nhau để thể hiện năng lực của mình. Đó sẽ là cơ hội để họ chứng minh năng lực của mình với các đồng chí bên trong đảng và với giới lãnh đạo ở trung ương. Sự thành công của các doanh nghiệp ở địa phương không chỉ mang lại vị thế chính trị cho người đứng đầu mà còn cả lợi ích kinh tế. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi các tỉnh khác nhau đã thi đua nhau sản xuất năng lượng mặt trời.

Lý thuyết Ricardo chỉ đề cập đến sự thịnh vượng chung khi tối ưu hoá nguồn lực của thế giới bằng cách phân chia lao động, nhưng nó đã không đề cập đến một hệ quả khác đó là khi một nước đã tận dụng cơ hội sử dụng nguồn lực và cố gắng leo lên trên bậc thang tạo ra giá trị mới cho thế giới để rồi cuối cùng đe dọa thay đổi vai trò trong sự phân chia lao

động. Trung Quốc từ chỗ chỉ là một phân xưởng làm thuê của thế giới, giờ đây đang trở thành những ông chủ của thế giới trên các lĩnh vực sản xuất hàng công nghiệp nhẹ và trở thành những tay chơi lớn trên trường thế giới trong những ngành công nghệ chiến lược từ trí tuệ nhân tạo, tính toán lượng tử, năng lượng tái tạo, sinh học tổng hợp, cho đến viễn thông và năng lượng hạt nhân cho mục đích thương mại.

Toàn cầu hoá đã nổi lên như một cơ hội làm giàu cho giới tư bản Mỹ và tạo nên sự thịnh vượng nói chung của xã hội Hoa Kỳ, khi mà họ có dịp sử dụng nhân công giá rẻ của Trung Quốc để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của mình. Tuy vậy, sự lớn mạnh của Trung Quốc và các ngành công nghiệp của họ đã khiến giới ưu tú của Hoa Kỳ buộc phải xem xét lại quan niệm toàn cầu hoá.

Việc tiếp tục toàn cầu hoá mà ở đó Trung Quốc được đối xử như từ trước sẽ dần dần giúp Trung Quốc đạt được lợi thế trong những lĩnh vực then chốt và trở thành một thế lực đối trọng với Hoa Kỳ.

Cho dù Trung Quốc không có ý đồ xuất khẩu ý thức hệ hay mô hình chính trị của mình sang các nước khác như Liên Xô, nó cũng là điều khó có thể chấp nhận được khi mà các ngành công nghiệp của Trung Quốc dần trở nên chiếm hết thị phần của những doanh nghiệp phương Tây và đưa họ vào tình thế phá sản.

Hơn nữa, sự phát triển về mặt công nghệ của Trung Quốc sẽ dẫn đến một khả năng mà ở đó các công nghệ sẽ có giá trị lưỡng dụng, vừa dùng được cho thương mại và vừa dùng được cho quốc phòng. Và sự phát triển công nghệ của Trung Quốc sẽ dẫn đến một khả năng mà ở đó năng lực quốc phòng

của Trung Quốc tiến tới trở thành một đối trọng tự nhiên của Hoa Kỳ.

Giới lãnh đạo Hoa Kỳ kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai luôn đề cao học thuyết hoà bình qua sức mạnh. Sự ưu việt về vũ khí của Hoa Kỳ bảo đảm cho hoà bình của chính đất nước họ. Nhưng mà khi một đối thủ khác, như Trung Quốc chẳng hạn, trở nên có một sự ưu việt về quốc phòng, thì chắc chắn chính giới Hoa Kỳ không thể nào yên tâm về sự hoà bình của mình.

Cho nên, giới doanh nhân và giới chính trị của Hoa Kỳ đã gặp nhau ở một điểm chung đó là cần phải cô lập Trung Quốc.

Nếu Harris lên nắm quyền, bà chắc chắn sẽ tiếp tục những di sản chính sách của tổng thống Biden, vẫn tiếp tục duy trì các mức thuế khác nhau lên hàng hoá nhập khẩu từ Trung Quốc và tiếp tục hạn chế Trung Quốc ở một số lãnh vực công nghệ chiến lược. Ngược lại, nếu Trump lên, khó có thể đoán ông ta sẽ làm gì tiếp theo. Ông ta đã từng áp thuế lên hàng hoá Trung Quốc, bắt đầu từ nhôm và thép, bắt chập những chỉ trích của những người khác, đã cho dẹp các viện Khổng Tử, ngăn chặn Trung Quốc tiếp cận các công nghệ chiến lược, và xây dựng lại Bộ Tứ Mỹ-Nhật-Ấn-Úc. Các chính sách Trung Quốc của Biden là một sự tiếp nối của Trump. Tuy vậy, với sự lớn mạnh của Trung Quốc, chính giới Hoa Kỳ có lẽ phải nghĩ tới những chính sách khác trong cuộc cạnh tranh này.